

LỜI NÓI ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường như hiện nay có nhiều thành phần kinh tế khác nhau, các doanh nghiệp cạnh tranh với nhau trở nên ngày càng gay gắt mạnh mẽ để phát huy tiềm năng và thế mạnh trong mọi lĩnh vực thì các tổ chức kinh tế phải xây dựng một nền tảng vững chắc có thể mạnh với công nghiệp hiện đại.

Việt Nam trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới năm 2007. Trong tiến trình hội nhập, mở cửa nền kinh tế, nước ta vẫn là một nước nông nghiệp, sản phẩm của ngành nông nghiệp không những phục vụ cho nhu cầu của người dân trong nước mà còn tiêu dùng cho xuất khẩu. Sản phẩm của ngành nông nghiệp đã có chỗ đứng trên thị trường trong nước và thế giới.

Tuy nhiên nguồn vật tư phục vụ cho nông nghiệp vẫn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu. Chủ động phát triển nguồn vật tư trong nước thay thế vật tư nhập khẩu với chất lượng tương đương, giá cả thấp hơn cung cấp kịp thời và nhanh chóng hơn là việc làm cấp thiết để giảm giá thành. Trên cơ sở nắm bắt được nhu cầu thị trường công ty cổ phần vật tư nông nghiệp và xây dựng HP được thành lập. Nhiệm vụ chủ yếu của công ty là cung cấp các loại vật tư phục vụ cho ngành nông nghiệp.

Để có thể đưa nhà máy vào sản xuất ổn định công ty đã từng bước tiến hành mua sắm máy móc thiết bị, đào tạo đội ngũ công nhân, không ngừng mở rộng nâng cao năng xuất sản xuất, đến nay công ty đã dần đi vào ổn định.

Qua thời gian thực tập tại công ty, tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty, em thấy được tầm quan trọng của công tác hạch toán kế toán hàng tồn kho trong công ty nhất là với một doanh nghiệp thương mại như công ty cổ phần vật tư nông nghiệp và xây dựng HP.

Đối với doanh nghiệp thương mại việc hạch toán hàng tồn kho càng trở nên quan trọng và là nhu cầu không thể thiếu được của sản xuất kinh doanh vì trong cơ chế thị trường hiện nay hoạt động của doanh nghiệp diễn ra ngày càng đa dạng. Vì thế hàng tồn kho luôn là mối quan tâm của doanh nghiệp và các nhà đầu tư. Do vậy, bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng cần quan tâm đến hàng tồn kho cũng như hàng

hóa hiện có của doanh nghiệp để đề ra kế hoạch sản xuất và những dự kiến hoạch định trong tương lai.

Em xin trình bày luận văn tốt nghiệp với đề tài là “Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty cổ phần vật tư nông nghiệp và xây dựng HP”

Vì thời gian có hạn nên luận văn của em còn có nhiều sai sót. Kính mong nhận được sự hướng dẫn của thầy giáo Nguyễn Văn Vĩnh và các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh để bài khóa luận của em hoàn chỉnh hơn.

Bài luận văn gồm 3 phần :

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO.

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG HP.

CHƯƠNG III: BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ VIỆC HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG HP.

CHƯƠNG I:**CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO****1.1) Những vấn đề chung về Hàng tồn kho****1.1.1) Khái niệm về hàng tồn kho**

Hàng tồn kho là tài sản lưu động của doanh nghiệp biểu hiện dưới dạng vật chất cụ thể dưới nhiều hình thức khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hàng tồn kho thường bao gồm: Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, sản phẩm dở dang, thành phẩm, hàng hoá. Ngoài ra còn có một số vật tư hàng hoá thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng vì những lý do khác nhau nên không nằm trong kho như: Hàng đang đi đường, hàng gửi bán...

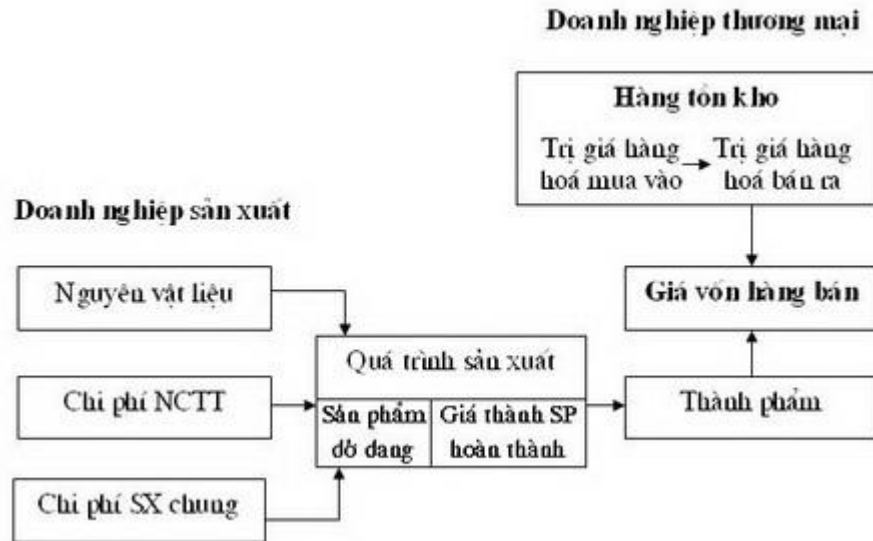
Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02-Hàng tồn kho ban hành ngày 31/12/2001 quy định hàng tồn kho là những tài sản :

- Được giữ để bán trong kỳ sản xuất, kỳ kinh doanh bình thường.
- Đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang.
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ để sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ .

1.1.2) Phân loại hàng tồn kho:

Sơ đồ 1.1:

Sơ đồ phân loại hàng tồn kho ở doanh nghiệp thương mại và doanh nghiệp sản xuất :



Hàng tồn kho bao gồm: nguyên vật liệu, hàng mua đi đường, công cụ dụng cụ, giá trị sản phẩm dở dang, hàng gửi bán, thành phẩm, hàng hoá. Hàng hóa tồn kho trong doanh nghiệp thương mại bao gồm nhiều loại, đa dạng về chủng loại, khác nhau về đặc điểm, tính chất thương phẩm, điều kiện bảo quản, nguồn hình thành có vai trò công dụng khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh. Để quản lý tốt hàng tồn kho tính đúng và tính đủ giá gốc hàng tồn kho cần phân loại và sắp xếp hàng tồn kho theo những tiêu thức nhất định.

1.1.2.1) Phân loại hàng tồn kho theo nguồn gốc hình thành:

Hàng tồn kho được mua vào, bao gồm:

- Hàng mua từ bên ngoài: là toàn bộ hàng tồn kho được doanh nghiệp mua từ các nhà cung cấp ngoài hệ thống tổ chức kinh doanh của doanh nghiệp.
- Hàng mua nội bộ: là toàn bộ hàng tồn kho được doanh nghiệp mua từ các nhà cung cấp thuộc hệ thống tổ chức kinh doanh của doanh nghiệp như mua hàng giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một Công ty, Tổng công ty v.v...

- Hàng tồn kho tự sản xuất, gia công là toàn bộ hàng tồn kho được gia công SX tạo thành.

- Hàng tồn kho được nhập từ các nguồn khác: như hàng tồn kho được nhập từ liên doanh, liên kết, hàng tồn kho được biếu tặng v.v...

Các phân loại này giúp cho việc xác định các yếu tố cấu thành trong giá gốc hàng tồn kho, nhằm tính đúng, tính đủ giá gốc hàng tồn kho theo từng nguồn hình thành. Qua đó, giúp doanh nghiệp đánh giá đúng mức độ ổn định của nguồn hàng trong quá trình xây dựng kế hoạch, dự toán về hàng tồn kho. Đồng thời, việc phân loại chi tiết tiền hàng tồn kho được mua từ bên ngoài và hàng mua nội bộ giúp cho việc xác định chính xác giá trị hàng tồn kho của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính (BCTC) hợp nhất.

1.1.2.2) Phân loại hàng tồn kho theo yêu cầu sử dụng.

- **Hàng hóa tồn kho sử dụng cho kinh doanh:** phản ánh giá trị hàng tồn kho được dự trữ hợp lý đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh được tiến hành bình thường.

- **Hàng tồn kho chưa cần sử dụng:** phản ánh hàng tồn kho được dự trữ ở mức cao hơn.

- **Hàng tồn kho không cần sử dụng:** phản ánh giá trị hàng tồn kho kém hoặc mất phẩm chất không được doanh nghiệp sử dụng cho mục đích sản xuất.

- **Hàng tồn kho dùng để góp vốn liên doanh, liên kết**

Cách phân loại này giúp đánh giá mức độ hợp lý của hàng tồn kho, xác định đối tượng cần lập dự phòng và mức độ dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần lập.

1.1.2.3) Phân loại hàng tồn kho theo địa điểm bảo quản.

- **Hàng hóa tồn kho trong doanh nghiệp:** phản ánh toàn bộ hàng tồn kho đang được bảo quản tại doanh nghiệp như hàng trong kho, trong quầy.

- **Hàng hóa tồn kho bên ngoài doanh nghiệp:** phản ánh toàn bộ hàng tồn kho được bảo quản tại các đơn vị, tổ chức, cá nhân ngoài doanh nghiệp như hàng gửi đi bán, hàng đang đi đường.

Cách phân loại này giúp cho việc phân định trách nhiệm vật chất liên quan đến hàng tồn kho, làm cơ sở để hạch toán giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát trong quá trình bảo quản.

Đối với các doanh nghiệp sản xuất chế tạo sản phẩm thì hàng tồn kho bao gồm nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm dở dang, thành phẩm. Đối với các doanh nghiệp thương mại thì hàng tồn kho chủ yếu là hàng hoá mà doanh nghiệp đã mua đang dự trữ, đang đi đường hay đang gửi bán.

1.1.3) Đặc điểm hàng tồn kho và yêu cầu quản lý hàng tồn kho

Hàng tồn kho trong doanh nghiệp thường gồm nhiều loại, có vai trò, công dụng khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh. Do đó, đòi hỏi công tác tổ chức, quản lý và hạch toán hàng tồn kho cũng có những nét đặc thù riêng. Nhìn chung, hàng tồn kho của doanh nghiệp có những đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, hàng tồn kho là một bộ phận của tài sản ngắn hạn trong doanh nghiệp và chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng tài sản lưu động của doanh nghiệp. Việc quản lý và sử dụng có hiệu quả hàng tồn kho có ảnh hưởng lớn đến việc nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Thứ hai, hàng tồn kho trong doanh nghiệp được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau, với chi phí cấu thành nên giá gốc hàng tồn kho khác nhau. Xác định đúng, đủ các yếu tố chi phí cấu thành nên giá gốc hàng tồn kho sẽ góp phần tính toán và hạch toán đúng, đủ, hợp lý giá gốc hàng tồn kho và chi phí hàng tồn kho làm cơ sở xác định lợi nhuận thực hiện trong kỳ.

Thứ ba, hàng tồn kho tham gia toàn bộ vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trong đó có các nghiệp vụ xảy ra thường xuyên với tần suất lớn, qua đó hàng tồn kho luôn biến đổi về mặt hình thái hiện vật và chuyển hóa thành những tài sản ngắn hạn khác như tiền tệ, sản phẩm dở dang hay thành phẩm...

Thứ tư, hàng tồn kho trong doanh nghiệp bao gồm nhiều loại khác nhau với đặc điểm về tính chất thương phẩm và điều kiện bảo quản khác nhau. Do vậy, hàng tồn kho thường được bảo quản, cất trữ ở nhiều địa điểm, có điều kiện tự nhiên hay nhân tạo không đồng nhất với nhiều người quản lý. Vì lẽ đó, dễ xảy ra

mất mát, công việc kiểm kê, quản lý, bảo quản và sử dụng hàng tồn kho gặp nhiều khó khăn, chi phí lớn.

Thứ năm, việc xác định chất lượng, tình trạng và giá trị hàng tồn kho luôn là công việc khó khăn, phức tạp. Có rất nhiều loại hàng tồn kho rất khó phân loại và xác định giá trị như các tác phẩm nghệ thuật, các loại linh kiện điện tử, đồ cổ, kim khí quý,...

Xuất phát từ những đặc điểm của hàng tồn kho, tùy theo điều kiện quản lý hàng tồn kho ở mỗi doanh nghiệp mà yêu cầu quản lý hàng tồn kho có những điểm khác nhau. Song nhìn chung, việc quản lý hàng tồn kho ở các doanh nghiệp phải đảm bảo các yêu cầu chủ yếu sau:

- Thứ nhất, hàng tồn kho phải được theo dõi ở từng khâu thu mua, từng kho bảo quản, từng nơi sử dụng, từng người phụ trách vật chất (thủ kho, cán bộ vật tư, nhân viên bán hàng,)

Trong khâu thu mua, một mặt phải theo dõi nắm bắt thông tin về tình hình thị trường, khả năng cung ứng của nhà cung cấp, các chính sách cạnh tranh tiếp thị được các nhà cung cấp áp dụng, tính ổn định của nguồn hàng,... mặt khác, phải quản lý chặt chẽ về số lượng, chất lượng, quy cách phẩm chất, chủng loại giá mua, chi phí mua và tiến độ thu mua, cung ứng phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong khâu bảo quản dự trữ, phải tổ chức tốt kho, bến bãi, thực hiện đúng chế độ bảo quản; xác định được định mức dự trữ tối thiểu, tối đa cho từng loại hàng tồn kho đảm bảo an toàn, cung ứng kịp thời cho sản xuất, tiêu thụ với chi phí tồn trữ thấp nhất. Đồng thời, cần có những cảnh báo kịp thời khi hàng tồn kho vượt qua định mức tối đa, tối thiểu để có những điều chỉnh hợp lý, góp phần cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong khâu sử dụng, phải theo dõi, nắm bắt được hình thành sản xuất sản phẩm, tiến độ thực hiện. Đồng thời, phải tận thủ việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm cơ sở định mức tiêu hao, dự toán chi phí, tiến độ sản xuất nhằm giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp

- Thứ hai, việc quản lý hàng tồn kho phải thường xuyên đảm bảo được quan hệ đối chiếu phù hợp giữa giá trị và hiện vật của từng thứ, từng loại hàng tồn kho, giữa các số liệu chi tiết với số liệu tổng hợp về hàng tồn kho, giữa số liệu ghi trong sổ liệu trong sổ kế toán với số liệu thực tế tồn kho

Chu kỳ vận động của hàng tồn kho từ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ sang sản phẩm dở dang đến thành phẩm, hàng hoá. Quá trình vận động liên quan đến nhiều khoản mục trên báo cáo tài chính. Đối với Bảng cân đối kế toán như: Các chỉ tiêu nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng đang đi đường, hàng gửi bán, chi phí sản phẩm dở dang, thành phẩm hàng hoá, dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Đối với báo cáo kết quả kinh doanh như các chỉ tiêu: Chi phí nguyên vật liệu, chi phí sản xuất chung, giá vốn hàng bán... Đây là những chỉ tiêu cơ bản để phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp về hiệu quả sản xuất kinh doanh, triển vọng cũng như những rủi ro trong sản xuất. Vì những lý do đó mà các chỉ tiêu này thường bị phản ánh sai lệch. Để có được những hiểu biết sâu sắc về chu trình Hàng tồn kho, trước hết phải nắm được các đặc điểm của chu trình:

- Hàng tồn kho thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của doanh nghiệp.
- Các khoản mục hàng tồn kho thường rất đa dạng và có thể chịu ảnh hưởng lớn bởi hao mòn vô hình và hao mòn hữu hình thông qua các biểu hiện như bị hư hỏng trong thời gian nhất định, dễ bị lỗi thời...
- Giá trị nhập kho của hàng tồn kho thường được cộng (hoặc trừ) các chi phí thu mua, khoản giảm giá bớt giá...
- Có nhiều phương pháp đánh giá và tính giá thực tế xuất hàng tồn kho, vì thế nên khác nhau về trị giá hàng tồn kho thực tế và lợi nhuận của kỳ kinh doanh.

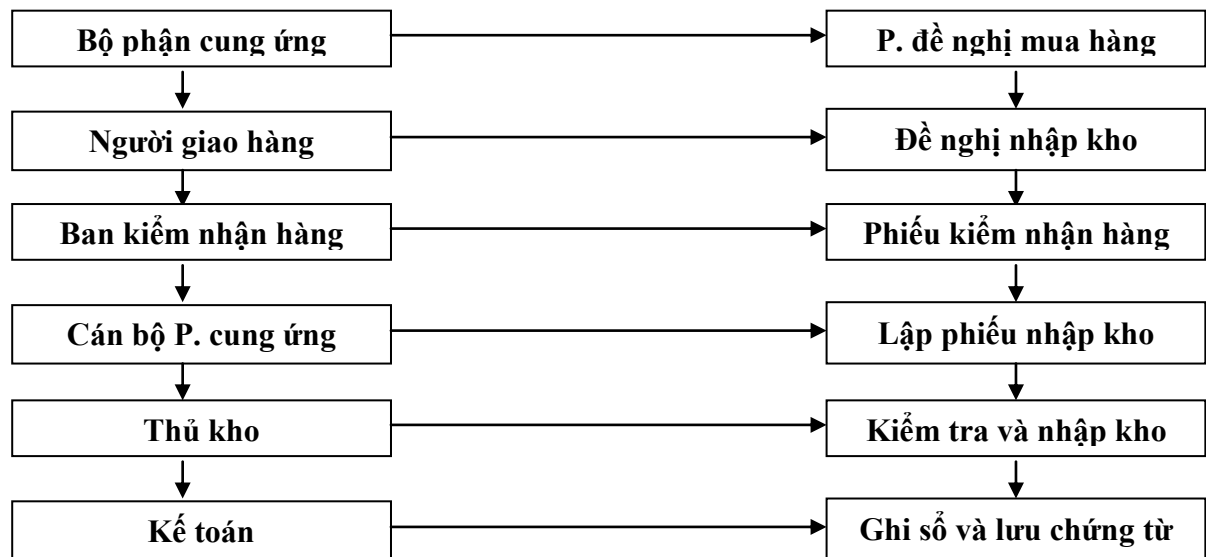
1.2)Tổ chức công tác kế toán Hàng tồn kho

Chu trình Hàng tồn kho là một giai đoạn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng giống như các giai đoạn khác tổ chức kế toán hàng tồn kho bao gồm các nội dung sau:

1.2.1) Tổ chức chứng từ kế toán

Tổ chức chứng từ kế toán là tổ chức vận dụng phương pháp chứng từ trong ghi chép kế toán, bao gồm công việc thiết kế khối lượng công tác hạch toán kế toán ban đầu trên hệ thống chứng từ hợp lý, hợp pháp theo quy trình luân chuyển nhất định.

Sơ đồ 1.2



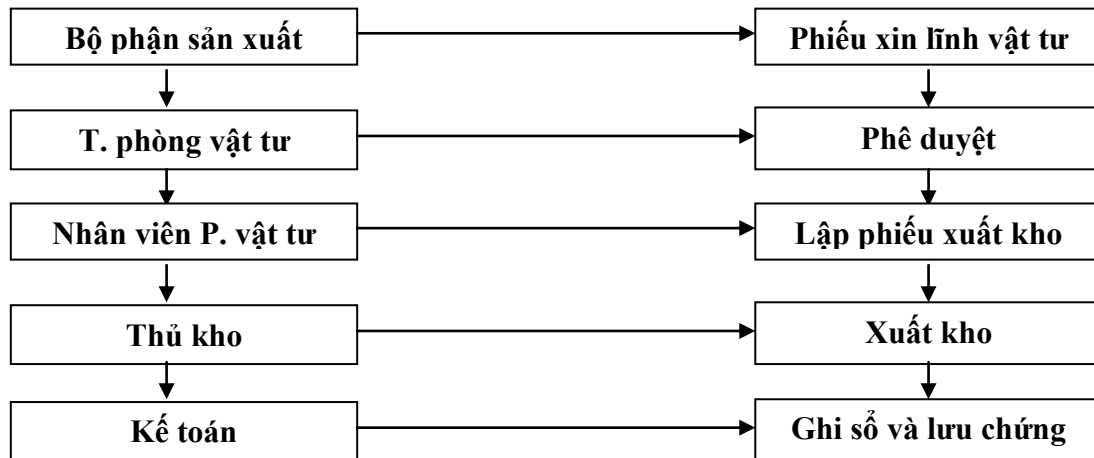
Quy trình luân chuyển chứng từ nhập mua:

Trong công tác tổ chức chứng từ hàng tồn kho tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh của doanh nghiệp để xây dựng danh mục chứng từ hàng tồn kho cho phù hợp. Song chứng từ được sử dụng trong chu trình Hàng tồn kho thường bao gồm các loại:

- Chứng từ nhập mua vật tư, hàng hoá bao gồm: Phiếu đề nghị mua hàng; hoá đơn nhà cung cấp; phiếu kiểm nhận hàng mua; phiếu nhập kho và thẻ kho.
- Chứng từ xuất kho cho sản xuất gồm có: Phiếu yêu cầu lĩnh vật tư; phiếu xuất kho vật tư; vận đơn (nếu có) và thẻ kho.

Sơ đồ 1.3

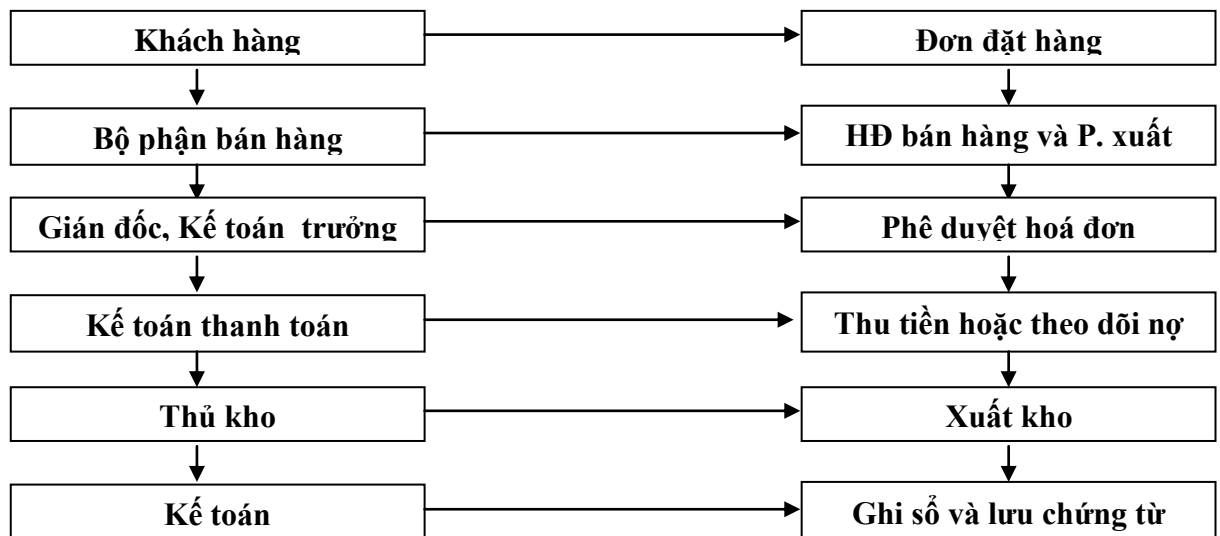
Quy trình luân chuyển chứng từ xuất kho cho sản xuất:



- Chứng từ xuất bán thành phẩm, hàng hoá: Đơn đặt mua hàng (của khách hàng); vận đơn; phiếu xuất kho; hoá đơn bán hàng và thẻ kho

Sơ đồ 1.4

Quy trình luân chuyển chứng từ xuất bán hàng hoá, thành phẩm:

**1.2.2) Tổ chức tài khoản kế toán**

Tổ chức tài khoản kế toán là tổ chức vận dụng tài khoản trong phương pháp đối ứng để xây dựng hệ thống tài khoản để hệ thống hoá các chứng từ kế toán theo thời gian và theo đối tượng. Để phản ánh đầy đủ các thông tin liên quan đến hàng tồn kho đơn vị phải xây dựng một bộ tài khoản sao cho bao quát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong chu trình Hàng tồn kho:

- + TK 151: Hàng đang đi đường
- + TK 152: Nguyên liệu, vật liệu.
- + TK 153: Công cụ, dụng cụ
- + TK 154: Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang
- + TK 155: Thành phẩm
- + TK 156: Hàng hoá
- + TK 157: Hàng gửi bán
- + TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- + TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ
- + TK 331: Phải trả cho người bán
- + TK 611: Mua hàng (*)
- + TK 631: Giá thành sản xuất (*)
- + TK 632: Giá vốn hàng bán
- + TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- + TK 627: Chi phí sản xuất chung
- + TK 641: Chi phí bán hàng
- + TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3)Tổ chức sổ kế toán

Tổ chức sổ kế toán là hình thức biểu hiện của phương pháp đối ứng tài khoản trên sổ kế toán. Sổ kế toán là phương tiện vật chất để hệ thống hoá các số liệu kế toán trên cơ sở các chứng từ gốc và tài liệu kế toán khác. Sổ kế toán bao gồm nhiều loại, tùy thuộc và yêu cầu quản lý để tổ chức sổ kế toán cho phù hợp. Trong doanh nghiệp thường tổ chức 2 hệ thống sổ: Sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp. Theo chế độ kế toán Việt Nam đơn vị có thể lựa chọn một hình thức kế toán trong số các hình thức sau:

+ Theo hình thức Nhật ký chung:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh phải được ghi lại vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Trình bày cụ thể ở : **Sơ đồ 1.5**

+ **Theo hình thức sổ Chứng từ ghi sổ :**

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là sổ Chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm :

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

Ưu, nhược điểm : Ghi chép đơn giản, kết cấu sổ dễ ghi, thống nhất cách thiết kế sổ nhật ký và sổ cái, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra. Tuy vậy, hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ vẫn chưa khắc phục được nhược điểm ghi chép trùng lặp của các hình thức sổ kế toán ra đời được sử dụng trước đó.

Trình bày cụ thể ở : **Sơ đồ 1.6**

+ **Theo hình thức Nhật ký –sổ cái**

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký- Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ nhật ký sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại

Ưu, nhược điểm : Hạch toán theo hệ thống sổ Nhật ký-sổ cái rất đơn giản, số lượng sổ ít nên ghi sổ ít, số liệu kế toán tập trung. tuy vậy, hình thức sổ có hạn chế lớn là ghi trùng lặp trên một dòng ghi, khuôn sổ công kênh, khó bảo quản trong niên độ, số lượng tổng hợp chỉ có một quyển nên khó phân công lao động kế toán cho mục đích kiểm soát nội bộ.

Trình bày cụ thể ở : **Sơ đồ 1.7**

+ **Theo hình thức Nhật ký- chứng từ:**

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Ưu,nhược điểm : Đảm bảo tính chuyên môn hóa cao của sổ kế toán,thực hiện chuyên môn hóa và phân công chuyên môn lao động kế toán.Sổ kết cấu theo bàn cờ nên tính chất đối chiếu kiểm tra cao,mẫu sổ in sẵn quan hệ đối ứng và ban hành thống nhất tạo kỷ cương cho việc ghi chép.Tuy vậy,hạn chế lớn nhất của hình thức này là phức tạp về kết cấu,quy mô sổ lớn về số lượng và loại,đa dạng kết cấu giữa các đối tượng trên loại sổ Nhật ký chính và phụ nên khó vận dụng máy tính để xử lý số liệu.Điều kiện áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất hoặc doanh nghiệp thương mại,có quy mô lớn,đội ngũ nhân viên kế toán đủ nhiều,đủ trình độ cao để thao tác nghiệp vụ đúng trên sổ,đơn vị chủ yếu thực hiện kế toán bằng lao động thủ công .

Trình bày cụ thể ở : **Sơ đồ 1.8**

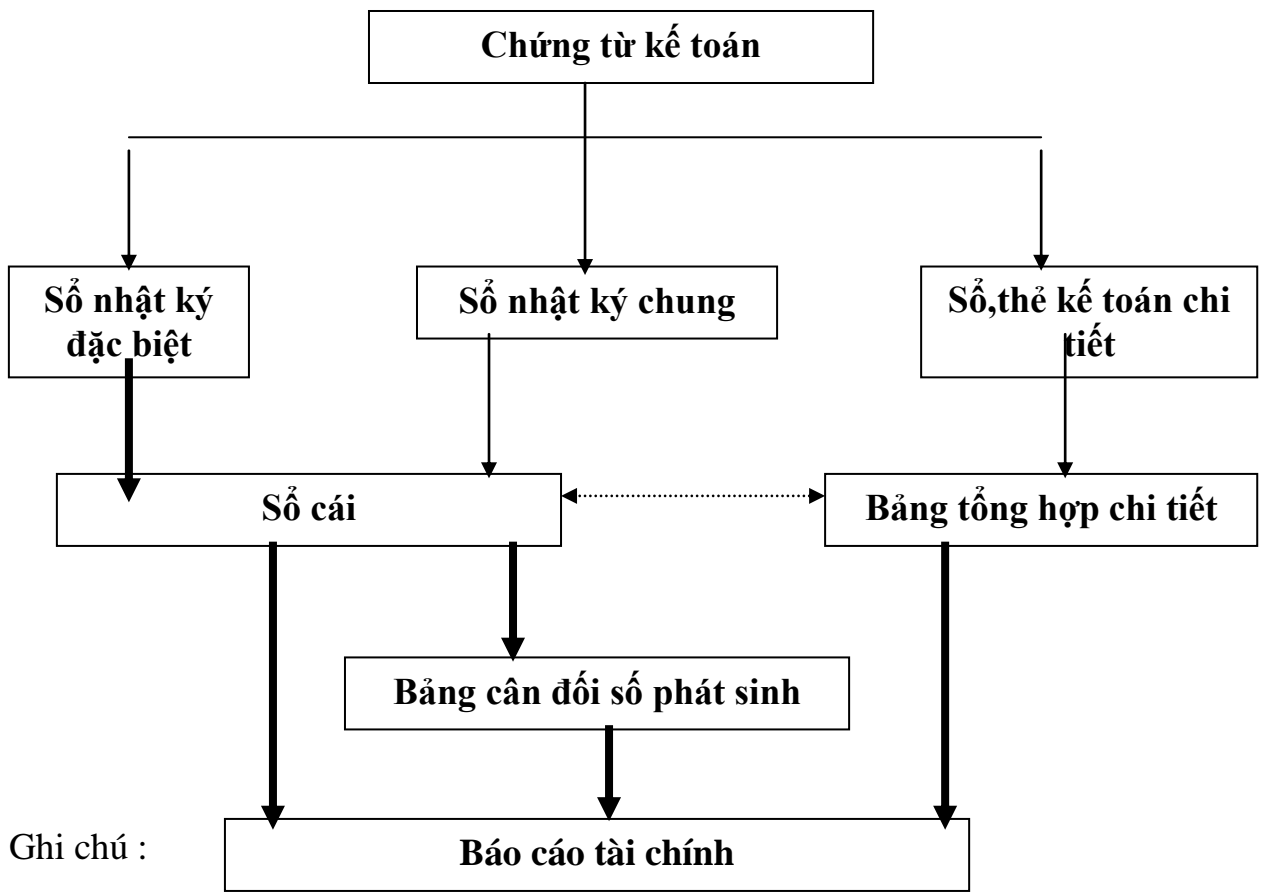
+ **Hình thức kế toán trên máy** :

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính.Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây.Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy :Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình bày cụ thể ở : **Sơ đồ 1.9**

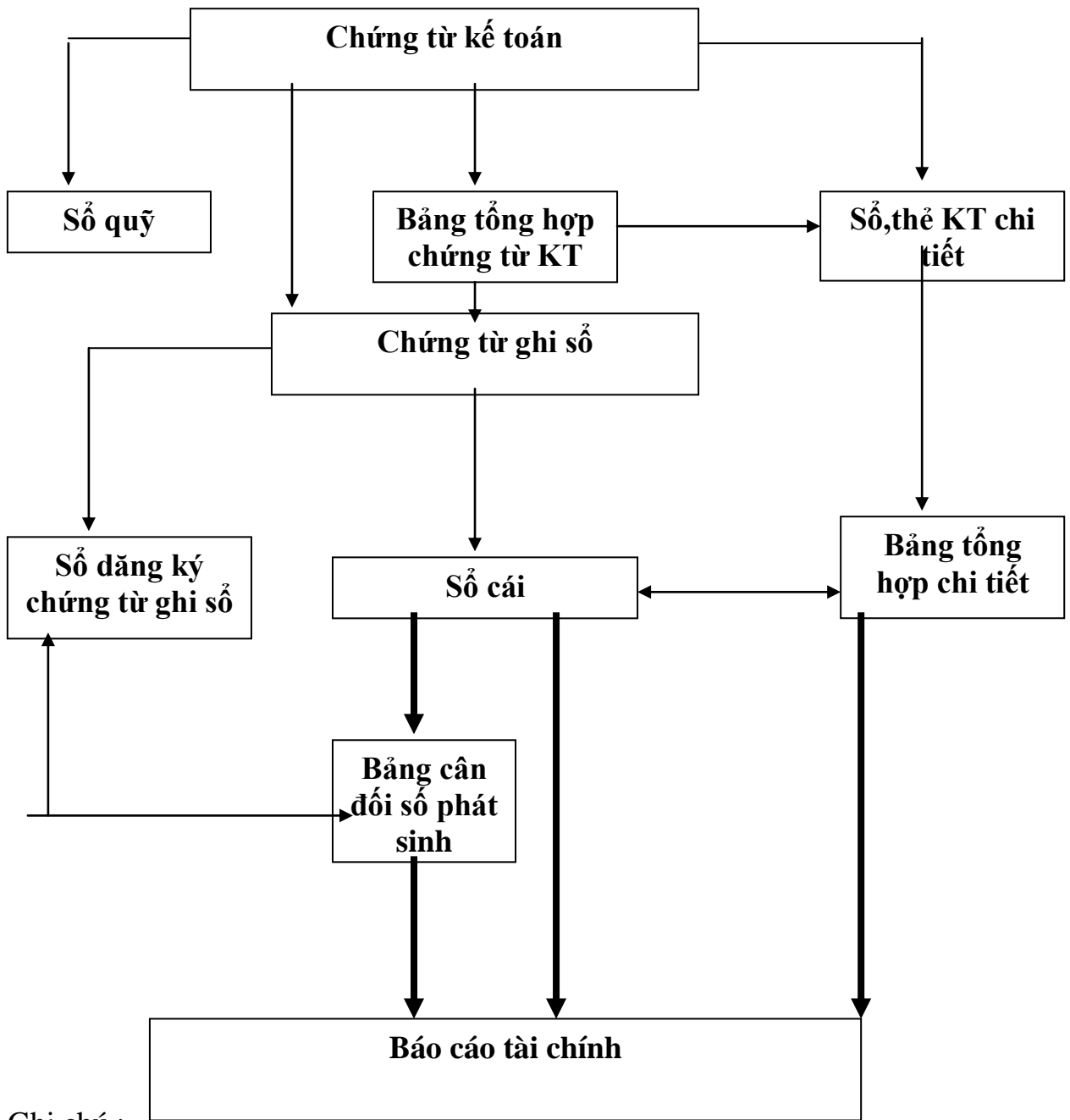
Sơ đồ 1.5 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung .



- : Ghi hàng ngày.
- : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←————→ : Đối chiếu, kiểm tra

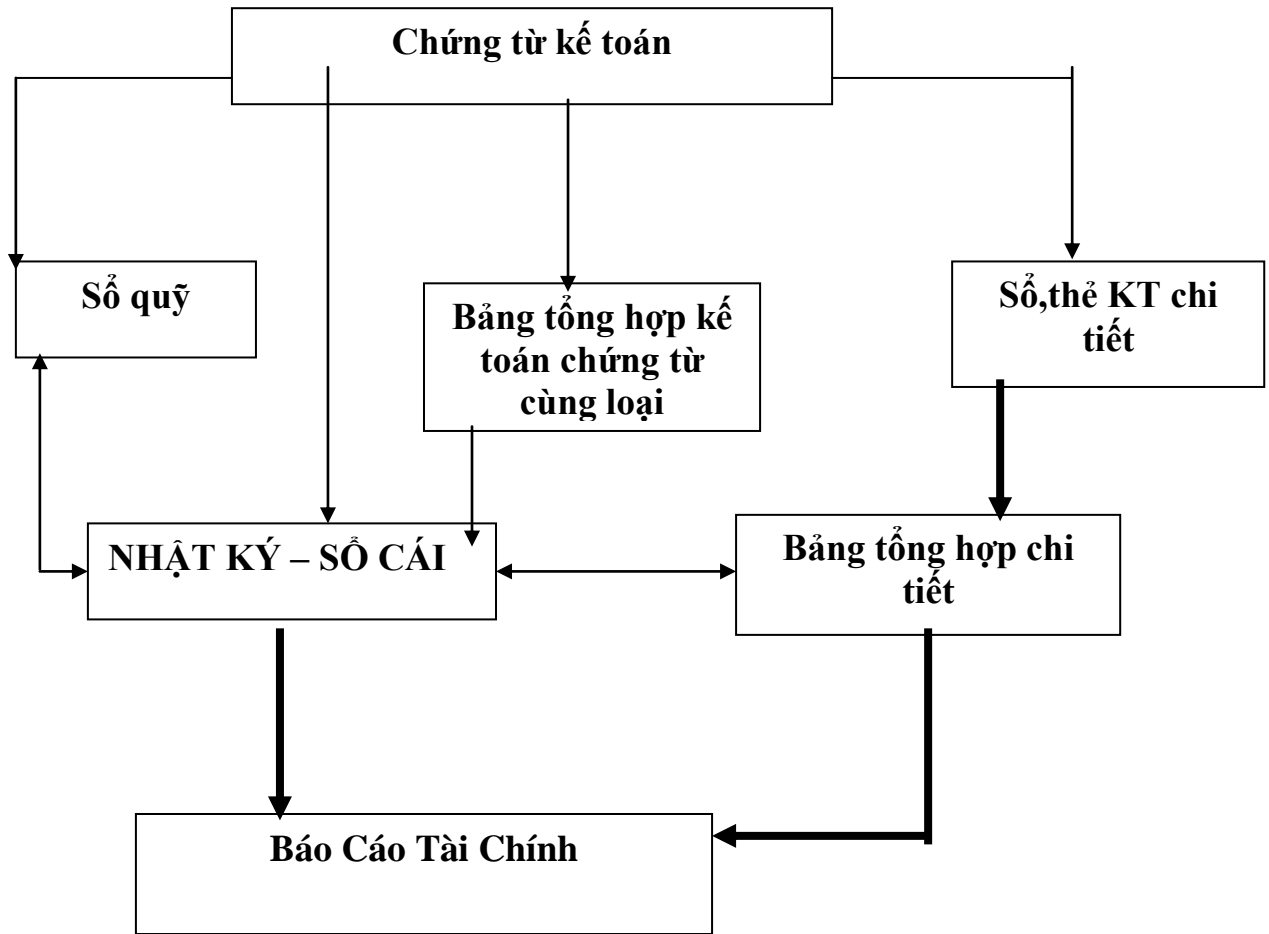
- Sổ kế toán tổng hợp: Nhật ký chung, sổ các tài khoản.
- Sổ kế toán chi tiết: Sổ chi tiết nhập (xuất) vật tư, hàng hoá; Sổ chi tiết chi phí sản xuất; sổ chi tiết bán hàng...

Sơ đồ 1.6 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.



Ghi chú :

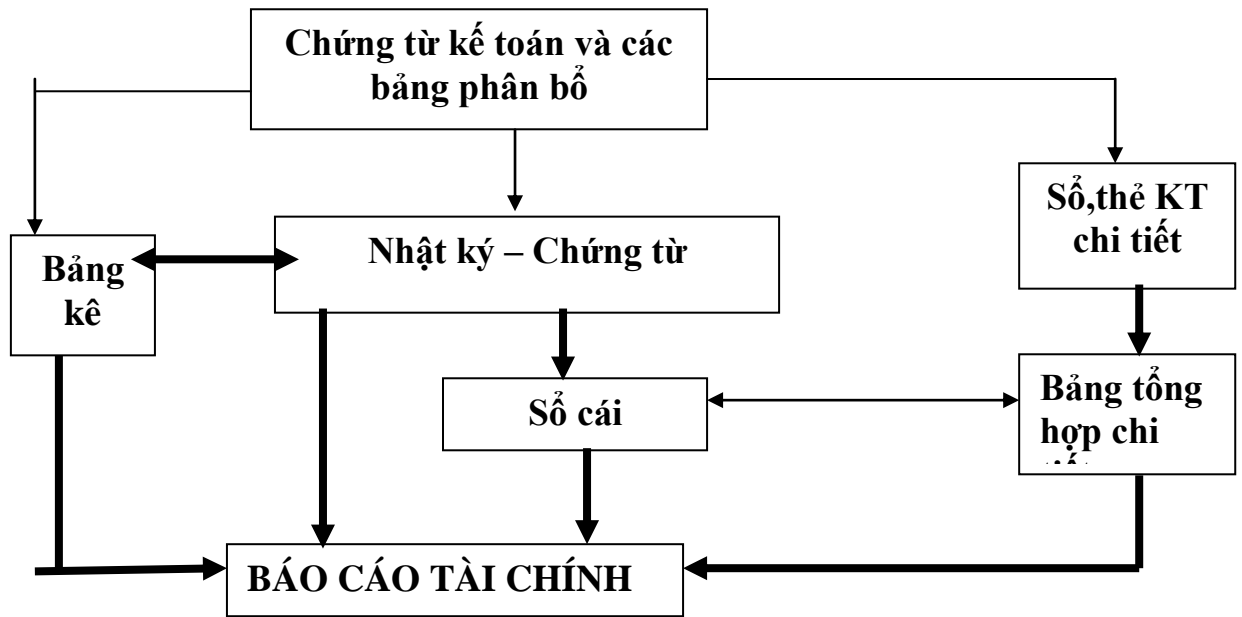
- > : Ghi hàng ngày.
- > : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- > : Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.7 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký - Sổ cái

Ghi chú :

- : Ghi hàng ngày.
- : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ : Đối chiếu, kiểm tra

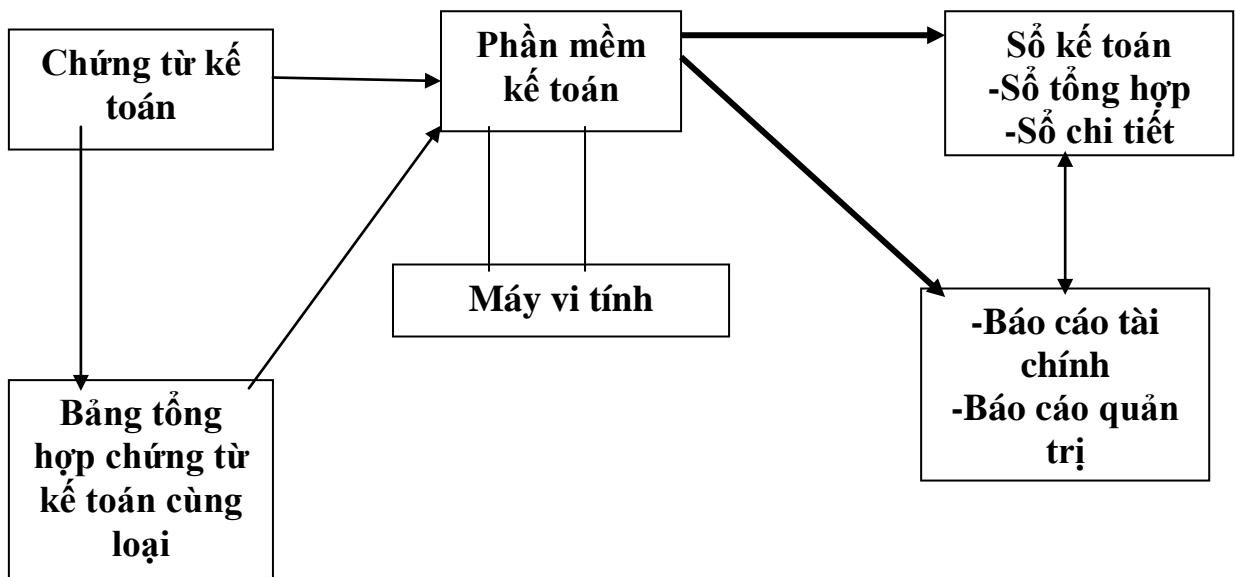
Sơ đồ 1.8 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ :



+ Theo hình thức Nhật ký chứng từ:

- Nhật ký chứng từ, bảng kê, sổ các các tài khoản.
- Một số sổ chi tiết khác.

Sơ đồ 1.9 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính :



Ghi chú :

- > : Ghi hàng ngày.
- > : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- > : Đối chiếu, kiểm tra

1.2.4) Phương pháp tính giá và quy trình hạch toán hàng tồn kho

1.2.4.1) Các phương pháp tính giá:

1.2.4.1.1) Nguyên tắc xác định giá trị hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo nguyên tắc giá gốc. trường hợp giá trị thuần được thực hiện thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được: là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua: bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan đến việc mua hàng tồn kho, các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ khỏi chi phí mua.

Chi phí có liên quan trực tiếp khác tính vào giá gốc hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí khác ngoài chi phí mua và chi phí chế biến hàng tồn kho.

Chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho gồm:

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các khoản chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- ***Nguyên tắc nhất quán*** : Các phương pháp tính giá hàng tồn kho doanh nghiệp đã chọn phải được thống nhất ít nhất trong một kỳ kế toán năm . Vì cách lựa chọn phương pháp định giá hàng tồn kho có thể ảnh hưởng cụ thể đến các báo cáo tài chính . Việc áp dụng các phương pháp kế toán thống nhất từ kỳ này sang kỳ khác sẽ cho phép báo cáo tài chính của doanh nghiệp mới có ý nghĩa mang tính so sánh.

- **Nguyên tắc thận trọng** : Thận trọng là việc xem xét, cân nhắc, phán đoán cần thiết để lập các ước tính kế toán trong các điều kiện không chắc chắn. Nguyên tắc thận trọng đòi hỏi :

+ Phải lập dự phòng nhưng không được quá lớn.

+ Không đánh giá cao hơn giá trị của các tài sản và các khoản thu nhập.

+ Chi phí phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí.

Trong nền kinh tế thị trường các doanh nghiệp phải cạnh tranh trên thị trường để tồn tại và đứng vững trước những rủi ro trong kinh doanh. Do vậy để tăng năng lực của doanh nghiệp trong việc đối phó với rủi ro, nguyên tắc thận trọng cần được áp dụng. Theo nguyên tắc này thì giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ khi hàng tồn kho bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí để bán hàng tăng lên. Việc ghi giảm giá gốc hàng tồn kho cho bằng với giá trị thuần có thể được thực hiện là phù hợp với nguyên tắc tài sản không được phản ánh lớn hơn giá trị thực hiện ước tính từ việc bán hay sử dụng chúng.

Nguyên tắc này đòi hỏi trên bảng kế toán, giá trị hàng tồn kho phải được phản ánh theo giá trị ròng :

Giá trị tài sản ròng = giá trị tài sản – khoản dự phòng

- **Nguyên tắc phù hợp** : Khi bán hàng tồn kho, giá gốc của hàng tồn kho đã bán được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phù hợp với doanh thu liên quan đến chúng được ghi nhận. Ghi nhận giá trị hàng tồn kho đã bán và chi phí trong kỳ phải bảo đảm nguyên tắc phù hợp giữa chi phí và doanh thu. Giá vốn của sản phẩm sản xuất ra hàng hóa mua vào được ghi nhận là chi phí thời kỳ vào kỳ mà nó được bán. Khi nguyên tắc phù hợp bị vi phạm sẽ làm cho các thông tin trên báo cáo tài chính bị sai lệch, có thể làm thay đổi xu hướng phát triển thực lợi nhuận của doanh nghiệp. Trường hợp hàng tồn kho được sử dụng để sản xuất ra tài sản cố định hoặc sử dụng như nhà xưởng, máy móc, thiết bị tự sản xuất thì giá gốc hàng tồn kho này được hạch toán vào tài sản cố định.

1.2.4.1.2) Giá thực tế nhập kho

Giá thực tế nhập kho của hàng tồn kho được xác định theo nguyên tắc giá thực tế (nguyên tắc giá phí). Tùy theo nguồn nhập mà giá thực tế nhập kho được xác định như sau:

*** Đối với hàng hóa mua ngoài:**

Giá thực tế = Giá mua ghi trên hóa đơn + Chi phí trực tiếp PS trong quá trình mua

Trong đó:

Giá trị ghi trên hóa đơn:

- **Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:** Giá ghi trên hóa đơn là giá chưa có thuế GTGT.
- **Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:** Giá ghi trên hóa đơn là giá đã có thuế GTGT.

Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình mua:

Chi phí phát sinh trong quá trình mua bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí thuê kho bãi trong quá trình mua, chi phí hao hụt tự nhiên trong định mức của hàng hóa.

.Đối với hàng hóa thuê ngoài gia công chế biến hoặc tự gia công chế biến:

Giá thực tế NK = GT vật tư, hàng hóa xuất chế biến + CP chế biến + CP khác có liên quan

Chi phí khác có liên quan là chi phí vận chuyển, bốc dỡ tới nơi chế biến, từ nơi chế biến về doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải chịu khoản chi phí này.

. Đối với hàng hóa do Nhà nước cấp, cấp trên cấp:

Giá thực tế = Giá trị bàn giao + Chi phí vận chuyển bốc dỡ (nếu có)

. Đối với hàng hóa nhận góp cổ phần, liên doanh

Giá thực tế của hàng hóa nhập kho là giá trị vốn góp do hội đồng liên doanh thống nhất đánh giá xác định + Chi phí vận chuyển, bốc dỡ (nếu có)

1.2.4.1.3) Giá thực tế xuất kho

Hàng ngày vật tư, hàng hoá nhập kho được kế toán ghi nhận theo giá thực tế nhưng đơn giá các lần nhập khác nhau là khác nhau và thời điểm nhập là khác

nhau. Do đó kế toán có nhiệm vụ xác định giá thực tế vật tư, hàng hoá, thành phẩm mỗi lần xuất kho. Theo chế độ kế toán Việt Nam hiện hành doanh nghiệp có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá sau để áp dụng cho việc tính giá thực tế xuất kho cho tất cả các loại hàng tồn kho hoặc cho riêng từng loại:

- Phương pháp tính giá thực tế đích danh
- Phương pháp giá bình quân gia quyền
- Phương pháp giá nhập trước xuất trước (FIFO)
- Phương pháp giá nhập sau xuất trước (LIFO)

Mỗi phương pháp tính giá thực tế xuất kho của vật tư, hàng hoá, đều có những ưu nhược điểm nhất định. Mức độ chính xác và độ tin cậy của mỗi phương pháp tùy thuộc vào yêu cầu quản lý và năng lực nghiệp vụ của các kế toán viên và trang thiết bị xử lý thông tin của doanh nghiệp.

_ *Phương pháp tính theo giá thực tế đích danh* : Khi xuất lô hàng nào thì lấy giá nhập thực tế của lô hàng đó.

- Ưu điểm:
 - + thuận lợi cho kế toán trong việc tính giá hàng hóa.
 - + đây là phương pháp cho kết quả chính xác nhất so với các phương pháp khác.
 - + chi phí thực tế phù hợp doanh thu thực tế, giá trị hàng tồn kho được đánh giá đúng theo giá trị thực tế của nó.

- Nhược điểm:
 - + phương pháp này phù hợp với các doanh nghiệp kinh doanh ít mặt hàng, ít chủng loại hàng hóa, có thể phân biệt, chia tách thành nhiều thứ riêng rẽ.
 - + giá trị hàng tồn kho không sát với giá thị trường.

_ *Phương pháp nhập trước xuất trước* : Theo phương pháp này giả thiết rằng số hàng hóa nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lô hàng xuất. Do vậy giá thực tế của hàng hóa mua trước sẽ được dùng làm giá để tính giá hàng hóa xuất trước. Vì vậy giá trị vật liệu tồn kho cuối kỳ sẽ là giá trị thực tế của số hàng hóa nhập vào sau cùng trong kỳ.

Với phương pháp này kế toán phải theo dõi được đơn giá thực tế và số lượng của từng lô hàng nhập kho. Sau đó, khi xuất kho căn cứ vào số lượng xuất tính ra giá thực tế theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{hàng hóa xuất} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng hóa} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá thực} \\ \text{tế bình quân} \\ \text{của hàng hóa} \end{array}$$

Cách xác định này sẽ đơn giản hơn cho kế toán so với phương pháp giá đích danh nhưng vì giá thực tế xuất kho lại được xác định theo đơn giá của lô hàng nhập sớm nhất còn lại nên không phản ánh sự biến động của giá một cách kịp thời, xa rời thực tế. Vì thế nó thích hợp cho áp dụng cho những hàng hóa có liên quan đến thời hạn sử dụng.

Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc giá có xu hướng giảm. Tuy nhiên, khối lượng tính toán nhiều và sẽ không thích ứng trong trường hợp thị trường giá cả biến động.

_ Phương pháp nhập sau xuất trước :

Phương pháp này có cách tính ngược với phương pháp nhập trước xuất trước : Số hàng hóa nào nhập vào sau cùng thì xuất trước tiên, áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hay sản xuất sau thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

theo phương pháp này sẽ phản ánh kịp thời và giá thích ứng với giá thị trường tuy nhiên khối lượng tính toán nhiều.

_ Phương pháp giá đơn vị bình quân :

Đây là phương pháp mà giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho được tính trên cơ sở đơn giá thực tế bình quân của nguyên vật liệu:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{hàng hóa xuất} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng hóa} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá thực} \\ \text{tế bình quân} \\ \text{của hàng hóa} \end{array}$$

+ Bình quân cả kì dự trữ :

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình} \\ \text{quân} \\ \text{cả kì dự trữ} \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Cách tính này được xác định sau khi kết thúc kỳ hạch toán, dựa trên số liệu đánh giá hàng hóa cả kì dự trữ . Các lần xuất hàng hóa khi phát sinh chỉ phản ánh về mặt số lượng mà không phản ánh mặt giá trị. Toàn bộ giá trị xuất được phản ánh vào cuối kỳ khi có đầy đủ số liệu tổng nhập. Điều đó làm cho công việc bị dồn lại, ảnh hưởng đến tiến độ quyết toán song cách tính này đơn giản, tốn ít công nên được nhiều doanh nghiệp sử dụng đặc biệt là những doanh nghiệp quy mô nhỏ, ít loại hàng hóa, thời gian sử dụng ngắn và số lần nhập, xuất mỗi danh điểm nhiều.

Cách này đơn giản hơn, dễ làm nhưng độ chính xác không cao và công việc tính toán dồn vào cuối kỳ, như vậy sẽ ảnh hưởng tới các khâu khác trong quá trình sản xuất kinh doanh.

+Đơn giá bình quân cuối kỳ trước:

Trị giá thực tế hàng hóa xuất kho trong kỳ lấy theo đơn giá bình quân cuối kỳ trước đã tính được làm cơ sở tính giá. Có thể thấy đây là sự kết hợp giữa cách tính bình quân gia quyền cả kỳ với phương pháp nhập trước – xuất trước. Do vậy, nó không tính đến sự biến động về giá ở kỳ này nên việc phản ánh thiếu chính xác. Nhưng đổi lại, cách tính này đơn giản, đảm bảo tính kịp thời về số liệu.

+ Bình quân sau mỗi lần nhập: Cứ sau mỗi lần nhập lại tính giá bình quân.

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá trị tồn lần nhập trước} + \text{Giá trị lần nhập kế tiếp}}{\text{Số lượng tồn lần nhập trước} + \text{Số lượng lần nhập kế tiếp}}$$

Theo cách này, giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập sẽ chính xác hơn, kịp thời và không phải dồn đến cuối kỳ mới tính toán, như vậy sẽ không ảnh hưởng tới các khâu khác, tuy nhiên khối lượng tính toán lớn.

Sau khi tính được giá đơn vị bình quân:

$$\text{Giá thực tế hàng hóa xuất dùng} = \text{Số lượng hàng hóa xuất dùng} \times \text{Giá đơn vị bình quân}$$

Ngay khi nghiệp vụ xuất phát sinh, đơn giá bình quân lần nhập cuối cùng trước khi xuất được dùng làm đơn giá để tính ra trị giá thực tế hàng hóa xuất kho. Cách tính này khắc phục được nhược điểm của hai cách tính trên, vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán vừa phản ánh được sự biến động về giá nhưng khối lượng tính toán lớn vì sau mỗi lần nhập, kế toán phải tính giá một lần.

1.2.4.2) Tổ chức hạch toán hàng tồn kho:

Tổ chức hạch toán hàng tồn kho là thiết kế khối lượng công tác hạch toán trên hệ thống các loại chứng từ, sổ chi tiết, sổ tổng hợp và báo cáo kế toán nhập - xuất - tồn cho các loại vật tư, sản phẩm hàng hoá tăng giảm trong kỳ kế toán. Hạch toán hàng tồn kho bao gồm hạch toán chi tiết và hạch toán tổng hợp:

+ Hạch toán chi tiết hàng tồn kho: Doanh nghiệp có thể áp một trong ba phương pháp sau:

- Phương pháp thẻ song song.
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.
- Phương pháp sổ số dư.

+ Hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Để hạch toán hàng tồn kho kế toán có thể áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên hoặc phương pháp kiểm kê định kỳ. Việc áp dụng phương pháp nào tùy thuộc đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp, vào yêu cầu quản lý và trình độ nghiệp vụ của kế toán viên cũng như quy định của chế độ kế toán hiện hành.

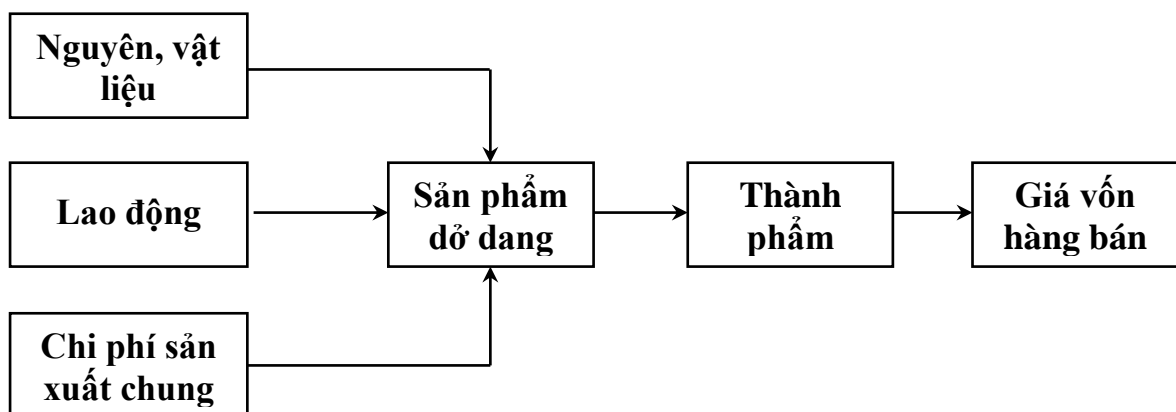
- Phương pháp kê khai thường xuyên: Là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình biến động của hàng tồn kho một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho.

- Phương pháp kiểm kê định kỳ: Là phương pháp không theo dõi một cách thường xuyên liên tục về tình hình biến động của vật tư, hàng hoá trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho mà chỉ phản ánh giá trị tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ trên cơ sở kiểm kê cuối kỳ, xác định lượng tồn thực tế và lượng xuất thực tế.

1.2.4.2.1).Hạch toán hàng tồn kho tại các doanh nghiệp sản xuất :

Tại các doanh nghiệp sản xuất, hàng tồn kho bao gồm : nguyên liệu,vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm dở dang, thành phẩm . Dòng lưu chuyển chi phí tại doanh nghiệp sản xuất có thể biểu hiện qua sơ đồ sau :

Sơ đồ 1.10 :



Cách thức hạch toán từng loại hàng tồn kho này như sau :

◆ **Hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:**

✍ Theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Trong kỳ, khi phát sinh các nghiệp vụ làm tăng giá trị vật liệu, dụng cụ tồn kho như mua ngoài, nhập vật liệu, dụng cụ tự chế hay thuê ngoài gia công, nhận

vốn góp liên doanh, đánh giá tăng, kiểm kê thừa ... kế toán ghi Nợ tài khoản 152, 153 theo giá thực tế, đối ứng Có các tài khoản liên quan. Các nghiệp vụ phát sinh làm giảm giá trị vật liệu, dụng cụ kế toán ghi Có tài khoản 152, 153 và đối ứng Nợ các tài khoản liên quan .

☞ Trường hợp mua hàng, nhập kho kế toán căn cứ vào hoá đơn mua hàng, chứng từ phản ánh chi phí thu mua và các chứng từ khác để ghi tăng giá trị hàng tồn kho :

Nợ TK 152,153: Trị giá mua và chi phí thu mua

Nợ TK 133(1331) : Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK liên quan (111,112, 331...) : Tổng giá thanh toán

☞ Trường hợp được hưởng giảm giá hàng mua hay hàng mua trả lại kế toán ghi giảm giá thực tế vật liệu dụng cụ tồn kho:

Nợ TK 111,112,331,1388...: Giá thanh toán

Có TK 152,153 : Số giảm giá, hàng mua trả lại

Có TK 133(1331): Thuế GTGT đầu vào tương ứng(nếu có)

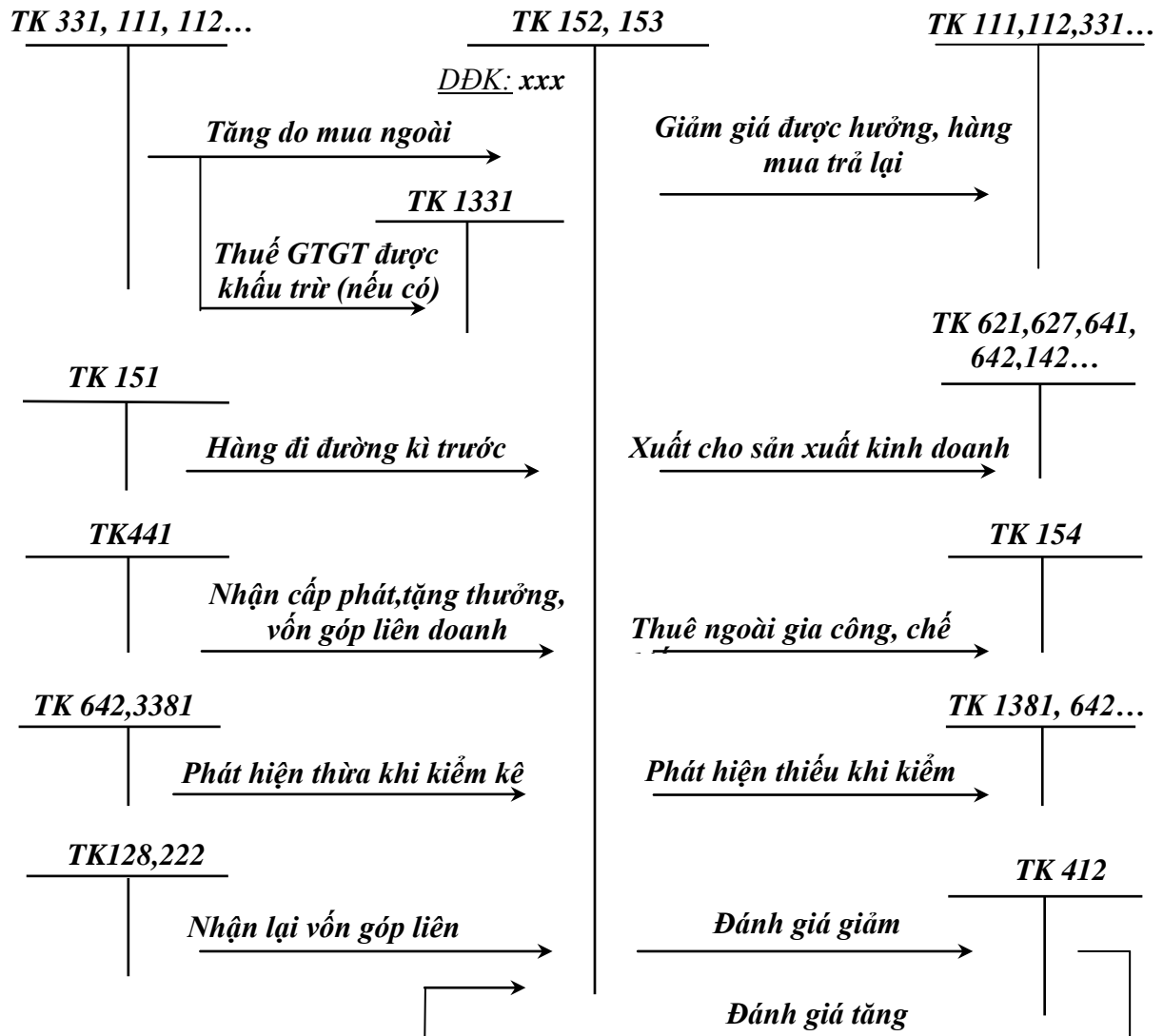
☞ Khi xuất vật liệu, dụng cụ cho sản xuất kinh doanh, kế toán ghi :

Nợ TK 621, 627, 641, 642, 142...

Có TK 152, 153

Các trường hợp tăng, giảm hàng tồn kho khác được phản ánh theo sơ đồ hạch toán sau :

Sơ đồ 1.11) Sơ đồ hạch toán tổng quát vật liệu, dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên



✎ Theo phương pháp kiểm kê định kỳ :

Quá trình hạch toán vật liệu dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ được tiến hành theo trình tự sau :

☞ Đầu kỳ, kế toán kết chuyển giá trị hàng tồn từ các tài khoản 151, 152, 153 sang tài khoản 6111(chi tiết cho từng loại hàng tồn kho):

☞ *Nợ TK 611(6111)*

Có TK 151

Có TK 152

Có TK 153

☞ Trong kỳ kế toán căn cứ các hoá đơn, chứng từ mua hàng để phản ánh giá thực tế vật liệu dụng cụ mua vào :

Nợ TK 611(6111) : Trị giá hàng mua và chi phí thu mua.

Nợ TK 133(1331): Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 111, 112, 331...: Tổng giá thanh toán

Nếu phát sinh các khoản giảm giá hàng mua hay hàng mua trả lại do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112, 331...

Có TK 133(1331) : Thuế GTGT được khấu trừ tương ứng

Có TK 611(6111) : Giá thực tế hàng mua

☞ Cuối kỳ, căn cứ vào kết quả kiểm kê vật liệu dụng cụ tồn kho, kế toán kết chuyển giá trị vật liệu dụng cụ tồn cuối kỳ về các tài khoản 151, 152, 153

Nợ TK 151

Nợ TK 152

Nợ TK 153

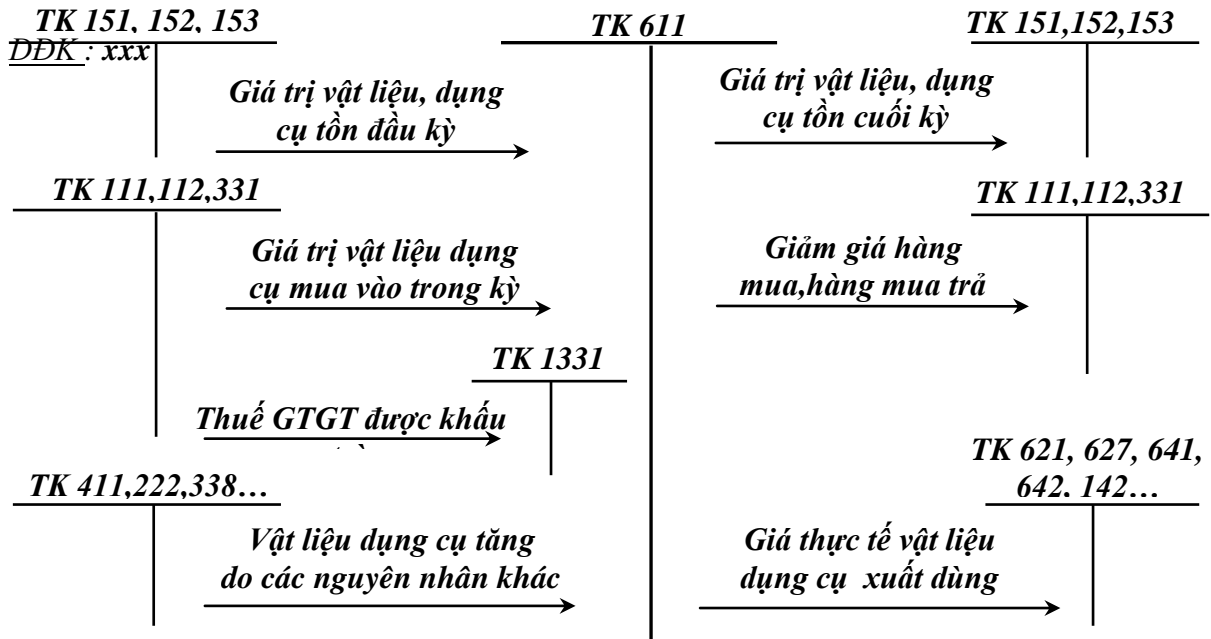
Có TK 611(6111)

Giá trị vật liệu dụng cụ xuất dùng cho sản xuất kinh doanh được xác định bằng cách lấy tổng phát sinh bên Nợ tài khoản 6111 trừ đi số phát sinh Có tài khoản 6111 rồi phân bổ cho các đối tượng sử dụng (theo mục đích sử dụng hay tỷ lệ định mức)

Nợ TK 621, 627, 641, 642, 142...

Có TK 611(6111)

Sơ đồ 1.12 : Sơ đồ hạch toán tổng hợp vật liệu, dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ



♦ **Tổng hợp chi phí sản xuất :**

✎ Theo pháp kê khai thường xuyên :

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển hoặc phân bổ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung theo từng đối tượng:

Nợ TK 154.

Có TK 621

Có TK 622

Có TK 627

Nếu phát sinh các khoản giảm trừ chi phí như phế liệu thu hồi, vật tư chưa sử dụng hết nhập kho... kế toán ghi giảm chi phí :

Nợ TK 152, 138...

Có TK 154

Khi sản phẩm hoàn thành nhập kho hoặc gửi bán hay tiêu thụ trực tiếp, kế toán phản ánh giá thành sản phẩm hoàn thành :

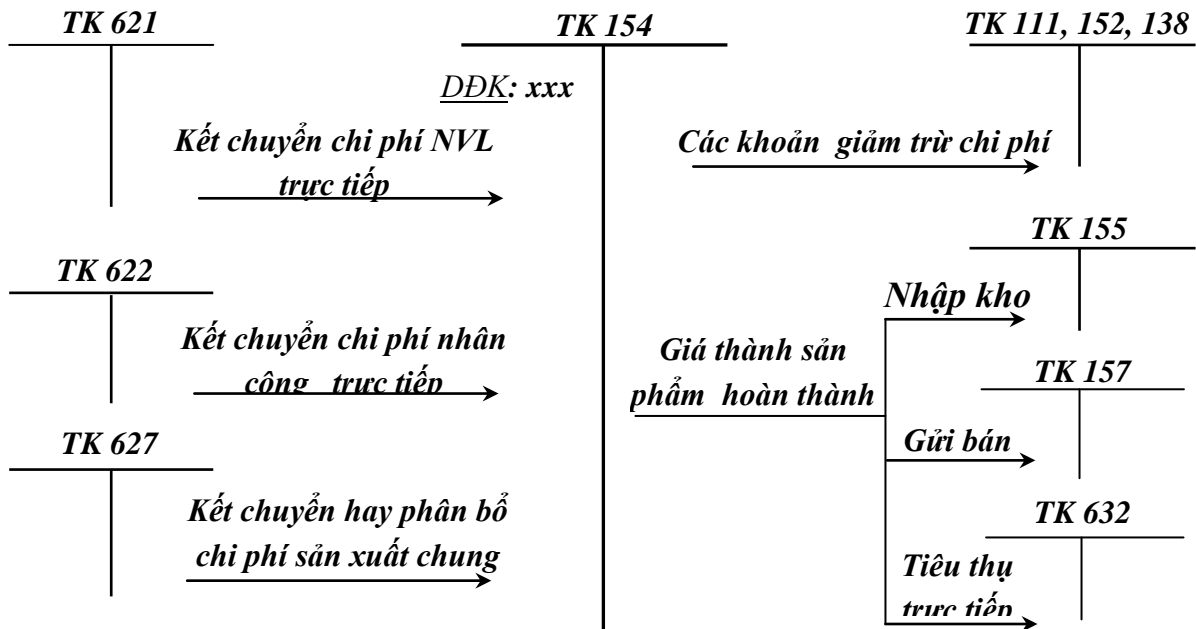
Nợ TK 155

Nợ TK 157

Nợ TK 632

Có TK 154

Sơ đồ 1.13 : Sơ đồ hạch toán CPSX theo phương pháp kê khai thường xuyên



✎ Theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ việc tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành phẩm được thực hiện trên tài khoản 631 " Giá thành sản xuất ".

Đầu kỳ, kế toán kết chuyển giá trị sản phẩm dở dang từ tài khoản 154 về tài khoản 631 :

Nợ TK 631

Có TK 154

Cuối kỳ, các chi phí sản xuất được kết chuyển về tài khoản 631 :

Nợ TK 631

Có TK 621, 622, 627

Căn cứ kết quả kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang, kết chuyển về tài khoản 154 :

Nợ TK 154

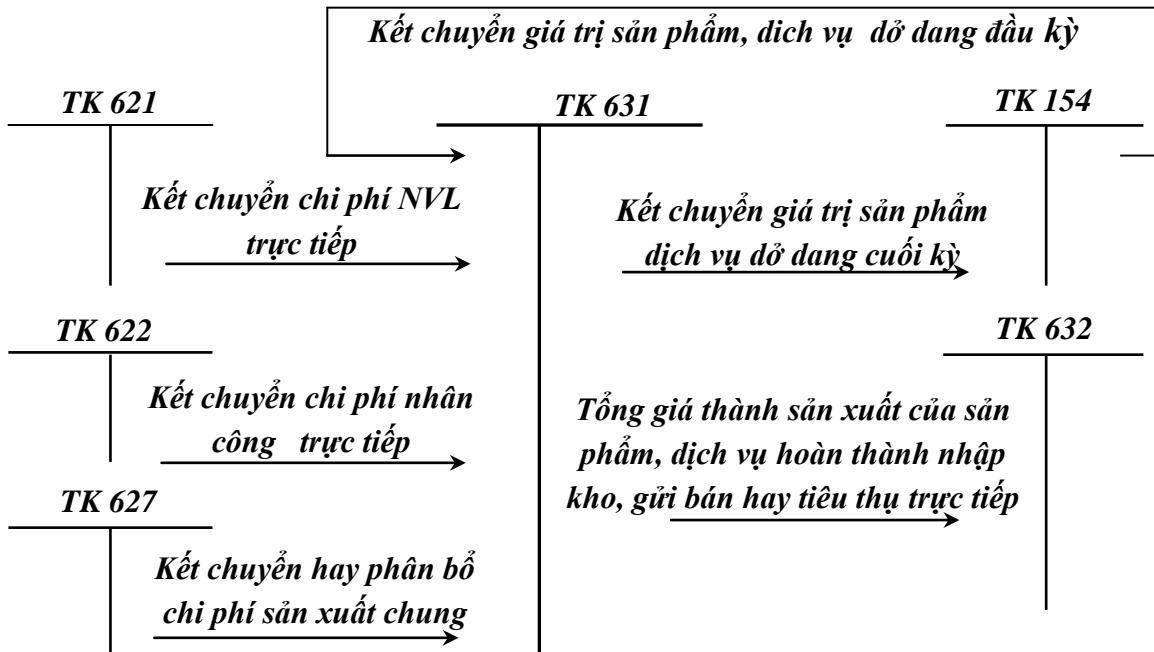
Có TK 631

Căn cứ vào bảng tính giá thành, phản ánh tổng giá thành sản phẩm lao vụ hoàn thành trong kỳ :

Nợ TK 632

Có TK 631

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ tổng hợp CPSX theo phương pháp kiểm kê định kỳ



♦ **Hạch toán thành phẩm:**

Theo phương pháp kê khai thường xuyên :

☞ Khi phát sinh các nghiệp vụ nhập kho thành phẩm từ bộ phận sản xuất hoặc thuê ngoài gia công chế biến kế toán ghi theo giá thành thực tế :

Nợ TK 155

Có TK 154

☞ Khi xuất kho thành phẩm để tiêu thụ hay gửi bán, kế toán ghi :

Nợ TK 632: Tiêu thụ trực tiếp

Nợ TK 157 : Gửi bán

Có TK 155

Đồng thời ghi bút toán phản ánh doanh thu đối với hàng tiêu thụ :

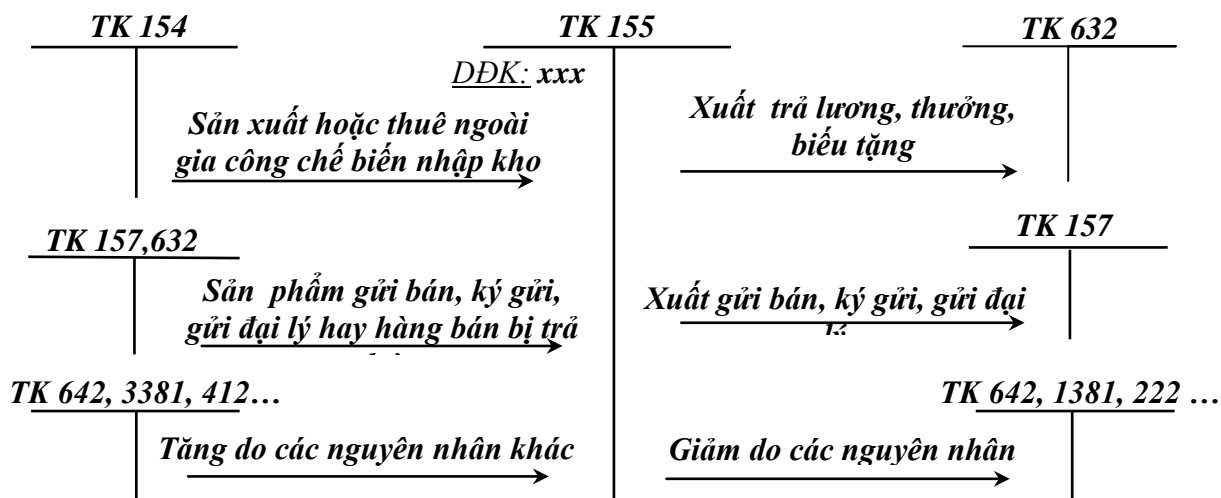
Nợ TK 111,112,131...: Tổng giá thanh toán .

Có TK 511 : Doanh thu thuần.

Có TK 333(3331): Thuế GTGT đầu ra (nếu có).

Các trường hợp tăng, giảm khác hạch toán tương tự như đối với vật liệu, dụng cụ.

Sơ đồ 1.15 : Sơ đồ hạch toán thành phẩm theo phương pháp kê khai thường xuyên



☞ Theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Đầu kỳ, kế toán kết chuyển giá vốn hàng chưa tiêu thụ về tài khoản 632:

Nợ TK 632

Có TK 155, 157

☞ Trong kỳ, căn cứ các chứng từ phản ánh nhập, xuất, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ, kê toán ghi :

- Phản ánh giá vốn hàng bán bị trả lại :

Nợ TK 631

Có TK 632

- Phản ánh tổng giá thành sản phẩm, dịch vụ đã hoà thành nhập kho trong kỳ, gửi bán hay tiêu thụ trực tiếp:

Nợ TK 632

Có TK 631

☞ Cuối kỳ, căn cứ kết quả kiểm kê hàng tồn kho chưa tiêu thụ, kế toán tiến hành kết chuyển giá trị sản phẩm, dịch vụ chưa tiêu thụ cuối kỳ

Nợ TK 155

Nợ TK 157

Có TK 632

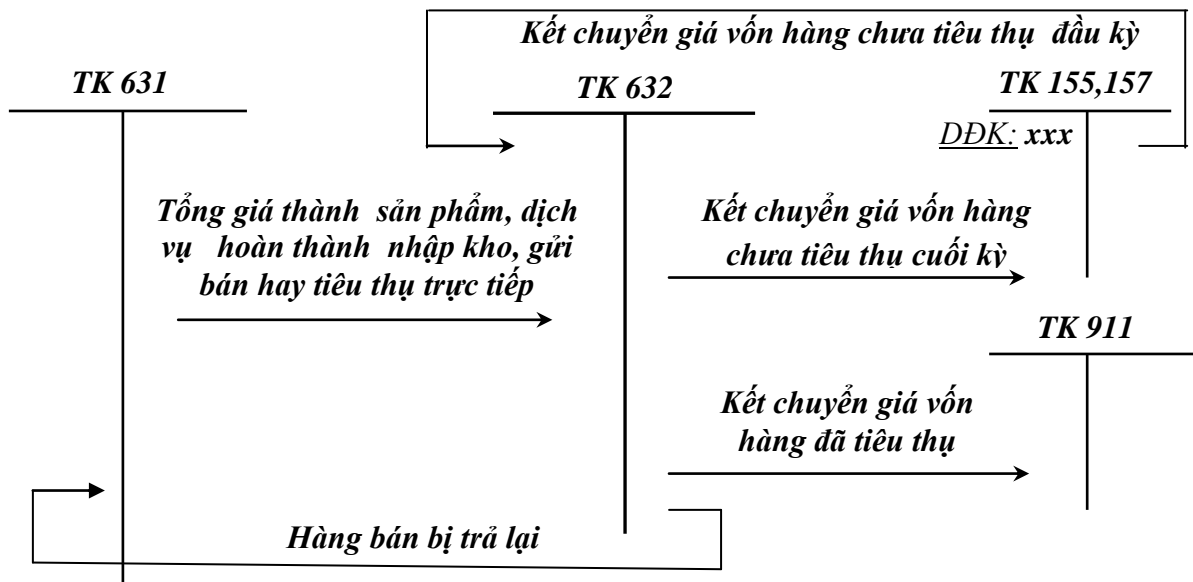
Đồng thời xác định và kết chuyển giá vốn hàng bán đã xác định là tiêu thụ trong kỳ theo công thức :

$$\begin{matrix} \text{Giá vốn hàng tiêu thụ trong kỳ} \\ \text{Giá vốn hàng chưa tiêu thụ đầu kỳ} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Giá vốn hàng chưa tiêu thụ đầu kỳ} \\ \text{Giá vốn hàng chưa tiêu thụ cuối kỳ} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Tổng giá thành sản phẩm, dịch vụ sản xuất trong kỳ} \\ \text{sản phẩm, dịch vụ sản xuất trong kỳ} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Giá vốn hàng chưa tiêu thụ cuối kỳ} \\ \text{Giá vốn hàng chưa tiêu thụ cuối kỳ} \end{matrix}$$

Nợ TK 911

Có TK 632

Sơ đồ 1.16 : Sơ đồ hạch toán thành phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.4.2.2). Hạch toán hàng tồn kho tại doanh nghiệp thương mại :

Doanh nghiệp kinh doanh thương mại với hai hoạt động chủ yếu là hoạt động mua hàng hoá và hoạt động bán hàng hoá cho người tiêu dùng hay các đơn vị trung gian .

a) Theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Đối với các doanh nghiệp thương mại hạch toán hàng tồn kho theo theo phương pháp kê khai thường xuyên, trị giá hàng mua và chi phí thu mua được hạch toán riêng . Do đó tài khoản 156 " Hàng hoá " được chi tiết thành

+ 1561 "Giá mua hàng hoá " .

+ 1562 "Chi phí thu mua hàng hoá".

Quá trình hạch toán tiền hành như sau :

☞ Khi mua hàng hoá nhập kho kế toán căn cứ hoá đơn mua hàng và các chứng từ liên quan ghi :

Nợ TK 156(1561) : trị giá mua

Nợ TK 153(1532) : trị giá bao bì tính riêng (nếu có)

Nợ TK 133(1331) : Thuế GTGT được khấu trừ(nếu có).

Có TK liên quan (111,112,331...) : tổng giá thanh toán

Các khoản chi phí thu mua thực tế phát sinh, ghi:

Nợ TK 156(1562) tập hợp chi phí thu mua.

Nợ TK 133(1331) : Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK liên quan (111,112,331...)

Các khoản giảm giá hàng mua hay hàng mua trả lại hạch toán tương tự như đối với doanh nghiệp sản xuất .

☞ Khi tiêu thụ kế toán phản ánh giá vốn hàng tiêu thụ :

Nợ TK 632

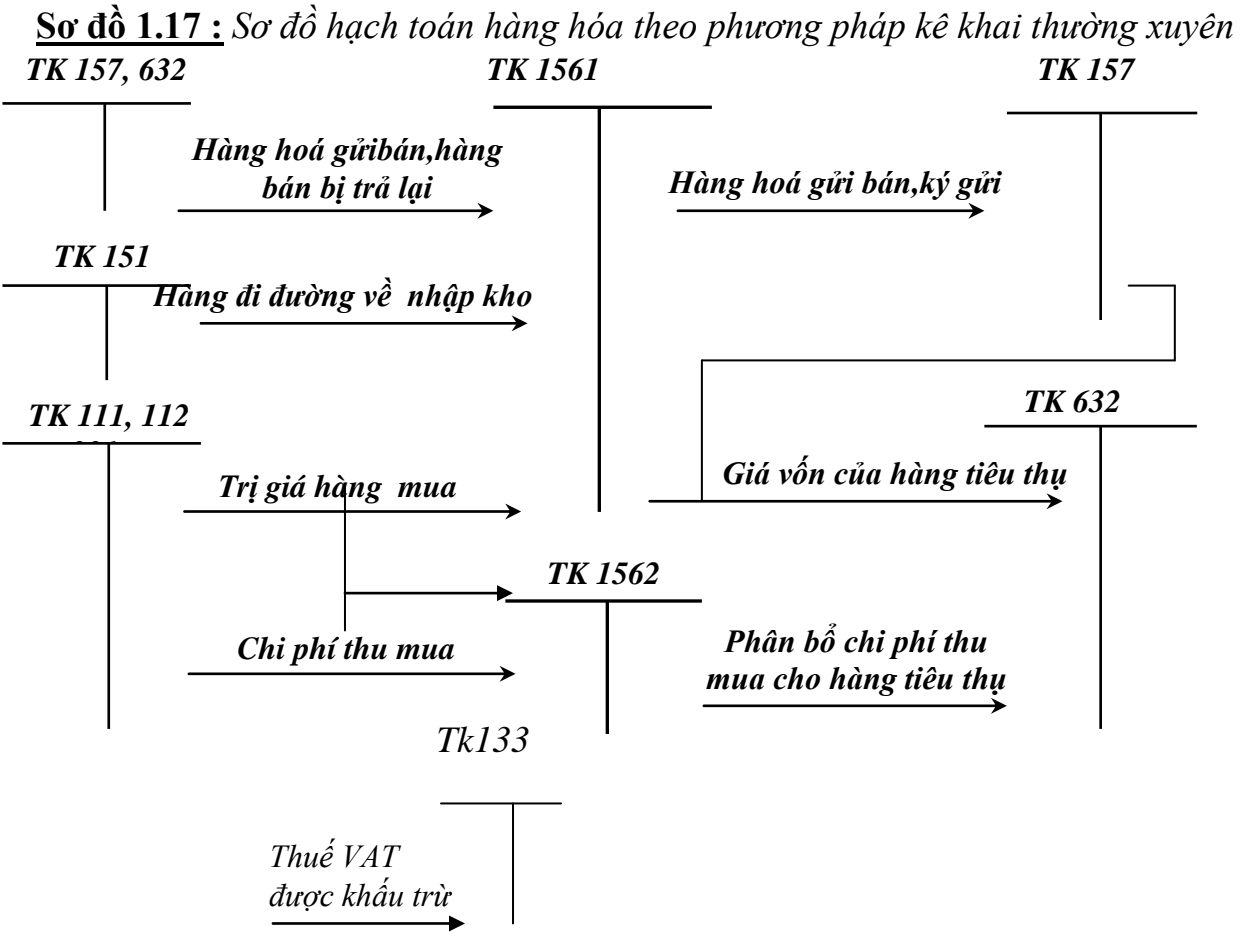
Có TK 156(1561)

Đồng thời phản ánh doanh thu của hàng tiêu thụ :

Nợ TK 111,112,131...: Tổng giá thanh toán

Có TK 511 : Doanh thu bán hàng

Có TK 333(3331) : Thuế GTGT đầu ra(nếu có)



b) Theo phương pháp kiểm kê định kỳ :

☞ Đầu kỳ, kết chuyển trị giá hàng chưa tiêu thụ

Nợ TK 611(6112)

Có TK 156, 157, 151.

☞ Trong kỳ kinh doanh, phản ánh trị giá hàng tăng thêm :

Nợ TK 611(6112): Giá thực tế hàng mua (trị giá mua và chi phí thu mua).

Nợ TK 133(1331) : Thuế GTGT được khấu trừ(nếu có).

Có TK111,112,331...

☞ Cuối kỳ, căn cứ kết quả kiểm kê, xác định hàng đã tiêu thụ hay chưa tiêu thụ cuối kỳ :

- Kết chuyển trị giá hàng chưa tiêu thụ :

Nợ TK 151,156,157.

Có TK 611(6112).

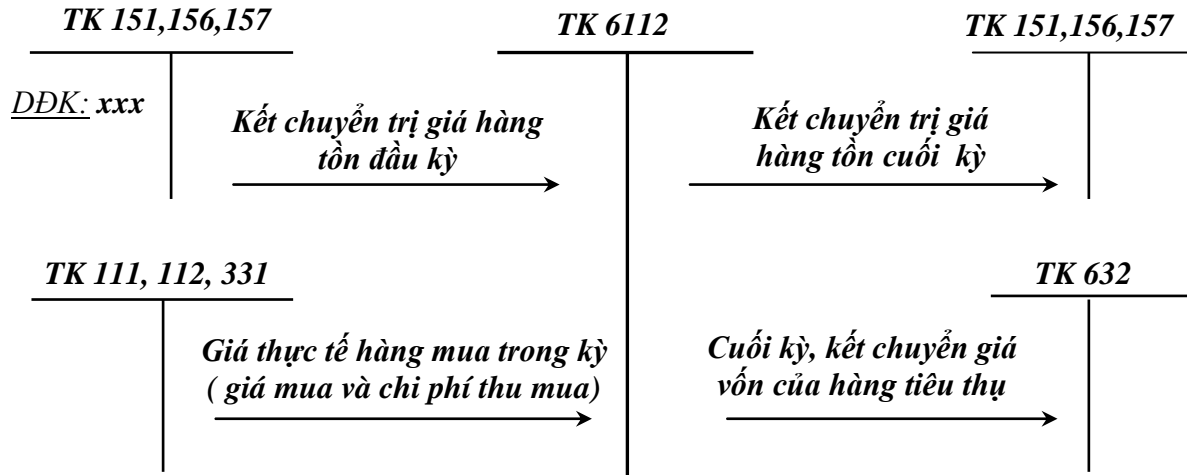
- Kết chuyển giá vốn hàng tiêu thụ trong kỳ :

Nợ TK 632.

Có TK 611(6112).

Các bút toán phản ánh doanh thu tương tự như đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Sơ đồ 1.18: Sơ đồ hạch toán hàng hoá theo phương pháp kiểm kê định kỳ:



Ưu điểm và hạn chế:

* Đối với phương pháp kê khai thường xuyên:

- Ưu điểm:
 - + Xác định, đánh giá về số lượng và trị giá hàng tồn kho vào từng thời điểm xảy ra nghiệp vụ.
 - + Nắm bắt, quản lý hàng tồn kho thường xuyên, liên tục, góp phần điều chỉnh nhanh chóng kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của DN.
 - + Giảm tình trạng sai sót trong việc ghi chép và quản lý (giữa thủ kho và kế toán).
- Nhược điểm: tăng khối lượng ghi chép hằng ngày, gây áp lực cho người làm công tác kế toán. Tuy nhiên, nhược điểm này được khắc phục khi doanh nghiệp tin học hoá công tác kế toán.

* Đối với phương pháp kiểm kê định kỳ:

- Ưu điểm: giảm khối lượng ghi chép cho người làm công tác kế toán.

- Nhược điểm:

+ công việc kế toán dồn vào cuối kỳ.

+ công việc kiểm tra không thường xuyên trong tình hình nhập, xuất kho là liên tục sẽ gây hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán trong quản lý.

+ khó phát hiện sai sót nếu khi kiểm kê hàng thực tế nhập kho không trùng với ghi sổ kế toán.

→ Dựa vào ưu, nhược điểm của mỗi phương pháp hạch toán hàng tồn kho, DN có thể phân tích sự ảnh hưởng của mỗi phương pháp đến tổ chức công tác kế toán của DN, từ đó đưa ra quyết định lựa chọn phương pháp hạch toán thích hợp, mang lại hiệu quả trong công việc.

- Phương pháp KKTX thường áp dụng cho các đơn vị sản xuất (công nghiệp, xây lắp...) và các DN thương mại kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như xe hơi, máy móc...

+ Theo phương pháp này người làm công tác kế toán có thể giúp chủ DN biết được mặt hàng nào đang được tiêu thụ nhanh chóng để kịp thời mua thêm hàng nhập kho dự trữ và bán hàng, hay mặt hàng nào bị ứ đọng, khó tiêu thụ để nhanh chóng tìm giải pháp tiêu thụ hàng, thu hồi vốn; vì DN kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn, nếu để ứ đọng hàng nhiều sẽ dẫn đến ứ đọng vốn lớn, kinh doanh không đạt hiệu quả.

+ Quá trình hoạt động giữa kế toán, thủ kho và phòng kinh doanh được diễn ra liên tục thông qua việc giao nhận các chứng từ.

- Phương pháp KKĐK thường áp dụng ở các DN kinh doanh mặt hàng có giá trị thấp, số lượng lớn, nhiều chủng loại, quy cách... như các nguyên phụ liệu để may mặc (kim, chỉ, khuy áo,...) và các đơn vị sản xuất ra 1 loại sản phẩm, hàng hoá nào đó vì trong trường hợp này mới tính được tương đối chính xác giá thành.

+ Vì các mặt hàng có nhiều chủng loại và có giá trị thấp nên nếu lựa chọn phương pháp KKTX sẽ mất nhiều thời gian của công tác kế toán và có thể không mang lại hiệu quả vì độ chính xác không cao;

+ Theo phương pháp này khối lượng công việc kế toán dồn vào cuối kỳ lớn nên có thể gặp nhiều sai sót và khó điều chỉnh;

+ Trong kỳ, chủ DN không thể nắm bắt tình hình tồn, nhập, xuất kho hàng hoá của DN thông qua kế toán dẫn đến chậm trễ khi đưa ra các quyết định.

- Lựa chọn phương pháp thích hợp giúp công tác kế toán được hoạt động thuận lợi hơn, mang tính chính xác cao hơn và một phần giúp DN kinh doanh đạt hiệu quả dựa trên các báo cáo của kế toán.

1.2.4.3) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho .

+. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm bù đắp những khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá đồng thời cũng phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính của cuối kỳ hạch toán.

+. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối kỳ kế toán năm khi lập báo cáo tài chính. Khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được thực hiện theo đúng các quy định của Chuẩn mực kế toán “Hàng tồn kho” và quy định của chế độ tài chính hiện hành. Đối với các doanh nghiệp phải lập và công khai báo cáo tài chính giữa niên độ như công ty niêm yết thì khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ (báo cáo quý) có thể xem xét và điều chỉnh số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập cho phù hợp với tình hình thực tế theo nguyên tắc giá trị hàng tồn kho phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được (Nếu giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc) của hàng tồn kho.

+. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải tính theo từng thứ vật tư, hàng hoá, sản phẩm tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dễ dàng, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

+ Cuối niên độ kế toán, căn cứ vào số lượng, giá gốc, giá trị thuần có thể thực hiện được của từng thứ vật tư, hàng hoá, từng loại dịch vụ cung cấp dở dang, xác định khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập cho niên độ kế toán tiếp theo:

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được ghi tăng dự phòng và ghi tăng giá vốn hàng bán.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập ghi giảm dự phòng và ghi giảm giá vốn hàng bán.

Để hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho kế toán sử dụng tài khoản 159 “dự phòng giảm giá hàng tồn kho” được lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Kết cấu và nội dung của tài khoản 159 như sau :

Bên Nợ:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên Có:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số dư bên Có:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

Hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu :

* Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý), khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

* Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) tiếp theo:

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn, ghi:

Nợ TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

1.2.5) Các chi phí liên quan đến hàng tồn kho trong doanh nghiệp

1.2.5.1): Chi phí đặt hàng :

Chi phí đặt hàng bao gồm các chi phí giao dịch, vận chuyển và chi phí giao nhận hàng, chi phí đặt hàng được tính cho mỗi lần đặt hàng khi doanh nghiệp đặt hàng từ bên ngoài, chi phí đặt hàng bao gồm: chi phí chuẩn bị một yêu cầu mua hàng, chi phí để lập được một đơn đặt hàng như chi phí thương lượng, chi phí nhận và kiểm tra hàng hóa, chi phí vận chuyển và chi phí trong thanh toán. Yếu tố giá cả thay đổi và phát sinh chi phí trong những công đoạn phức tạp như vậy đã ảnh hưởng đến chi phí cho mỗi lần đặt hàng của doanh nghiệp. Nếu đơn đặt hàng được cung cấp từ nội bộ thì chi phí đặt hàng chỉ bao gồm cơ bản là chi phí sản xuất, chi phí phát sinh khi khấu hao máy móc và duy trì hoạt động sản xuất. Trên thực tế, chi phí cho mỗi lần đặt hàng thường bao gồm các chi phí cố định và chi phí biến đổi, bởi vì một phần tỷ lệ chi phí đặt hàng như chi phí giao nhận và kiểm tra hàng hóa thường biến động theo số lượng hàng được đặt mua. Trong nhiều mô hình quản lý tồn kho đơn giản giả định chi phí cho mỗi lần đặt hàng là cố định và độc lập với số đơn vị hàng được đặt mua.

1.2.5.2): Chi phí tồn trữ :

Chi phí lưu kho bao gồm tất cả các chi phí lưu trữ hàng hóa trong kho một khoản thời gian xác định trước. Chi phí lưu giữ được tính trên mỗi đơn vị hàng lưu kho hoặc được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên giá trị hàng lưu kho trong một thời kỳ, chi phí hư hỏng và chi phí thiệt hại do hàng tồn kho bị lỗi thời, chi phí bảo hiểm, chi phí thuế, chi phí đầu tư vào hàng tồn kho

* Chi phí lưu giữ: Nếu doanh nghiệp thuê kho thì chi phí này bằng với số tiền thuê kho phải trả, trường hợp nhà kho thuộc sở hữu doanh nghiệp thì chi phí lưu trữ bao gồm chi phí khấu hao và chi phí trả lương cho nhân viên coi kho, nhân viên quản lý điều hành

* Chi phí hư hỏng và thiệt hại do hàng tồn kho bị lỗi thời: chi phí này phát sinh do giá trị hàng tồn khi bị giảm đi.

* Chi phí bảo hiểm: là các chi phí phát sinh do hàng tồn kho bị mất cắp, hỏa hoạn và các thảm họa tự nhiên khác.

* Chi phí thuế: là những loại chi phí phát sinh do các qui định của luật thuế hoặc của chính phủ trên giá trị hàng tồn kho.

* Chi phí đầu tư vào hàng tồn kho: Là chi phí sử dụng nguồn vốn này để đầu tư vào giá trị hàng tồn kho, nếu nguồn vốn là vay thì chi phí đầu tư vào hàng tồn kho là chi phí trả lãi vay, nếu nguồn vốn tự có thì chi phí này là chi phí cơ hội bị mất đi trong trường hợp lợi nhuận thu được từ nguồn vốn này đầu tư cho ngành nghề khác. Chi phí tồn trữ cũng bao gồm chi phí cố định và chi phí biến đổi, nhưng đa phần là chi phí biến đổi, một phần là chi phí cố định. Trong các mô hình quản lý hàng tồn kho đều xem chi phí này là chi phí biến đổi, nó sẽ thay đổi theo số lượng

1.3) Chu trình Hàng tồn kho**1.3.1) Chức năng nhập mua vật tư, hàng hoá**

Trong chức năng này gồm các công việc sau:

- Mua vật tư hàng hoá: Khi có nhu cầu mua hàng thì các bộ phận có liên quan sẽ lập phiếu đề nghị mua hàng. Sau khi phiếu đề nghị mua hàng được phê chuẩn bộ phận cung ứng sẽ lập đơn đặt hàng và gửi cho nhà cung cấp đã lựa chọn:

- + Phiếu yêu cầu mua hàng: Do bộ phận có trách nhiệm lập (như bộ phận vật tư). Phiếu được lập theo kế hoạch sản xuất hoặc lập đột xuất.
- + Đơn đặt hàng: Căn cứ vào phiếu đề nghị mua hàng đã được phê chuẩn của Giám đốc (hoặc người phụ trách) bộ phận mua hàng lập đơn đặt hàng để gửi cho nhà cung cấp. Mẫu của đơn đặt hàng được thiết kế sẵn có đầy đủ các cột cần thiết nhằm hạn chế tối đa các sai sót.
- Nhận hàng: Khi bên nhà cung cấp giao hàng bộ phận nhận hàng sẽ dựa trên đơn đặt hàng để kiểm tra về mẫu mã, số lượng, chủng loại, quy cách, phẩm chất và thời gian giao hàng, cuối cùng trưởng nhóm phải lập biên bản kiểm nhận hàng. Bộ phận nhận hàng phải độc lập với bộ phận kho và bộ phận kế toán.
- Sau khi hàng được kiểm nhận bộ phận cung ứng viết phiếu nhập kho dựa trên biên bản kiểm nhận hàng. Hàng được giao xuống kho và lưu kho. Phiếu nhập kho được lập nhiều liên để lưu cuống, nhập kho và kế toán ghi chép sổ sách.

1.3.2) Chức năng xuất kho

Đối với một đơn vị sản xuất thì xuất kho có 2 lý do cơ bản là xuất cho nội bộ (cho sản xuất, cho bán hàng, cho quản lý doanh nghiệp) và xuất bán.

- Xuất vật tư, hàng hoá cho nội bộ: Khi có hợp đồng sản xuất mới hoặc theo kế hoạch sản xuất hoặc các nhu cầu vật tư trong nội bộ doanh nghiệp các bộ phận sẽ lập phiếu xin lĩnh vật tư, bộ phận vật tư lập phiếu xuất kho (khi phiếu xin lĩnh vật tư được phê chuẩn).
- + Phiếu xin lĩnh vật tư: Do bộ phận sản xuất (hoặc các bộ phận khác) căn cứ nhu cầu sản xuất (hoặc nhu cầu bán hàng hoặc quản lý doanh nghiệp), người phụ trách bộ phận đó lập phiếu xin lĩnh vật tư trong đó phải ghi rõ loại vật tư, mã số, chủng loại, quy cách, phẩm chất, số lượng và thời gian giao vật tư.
- Xuất kho để bán: Căn cứ vào đơn đặt mua bộ phận tiêu thụ lập hoá đơn bán hàng và lập phiếu xuất kho, ngoài ra bộ phận vận chuyển phải lập chứng từ vận chuyển.
- + Hoá đơn bán hàng: Được bộ phận tiêu thụ lập thành nhiều liên để lưu ở cuống và giao cho khách, giao cho bộ phận kế toán để thanh toán và ghi sổ. Trong hoá đơn

ghi rõ các nội dung như ngày tháng giao hàng, loại hàng giao, mã số, chủng loại quy cách, phẩm chất, số lượng, đơn giá và thành tiền thanh toán.

+ Phiếu xuất kho: Được bộ phận vật tư hoặc bộ phận bán hàng lập thành nhiều liên để lưu cuống, xuất kho và ghi sổ kế toán. Phiếu xuất kho ghi rõ các nội dung như loại vật tư, hàng hoá chủng loại quy cách, phẩm chất, số lượng và ngày xuất.

+ Chứng từ vận chuyển (vận đơn): Do bộ phận vận chuyển lập hoặc công ty cung cấp dịch vụ vận chuyển lập (nếu thuê dịch vụ vận chuyển). Đây là tài liệu minh chứng cho việc hàng đã được xuất kho giao cho khách, chứng từ vận chuyển được đính kèm với phiếu xuất kho hoặc hoá đơn bán hàng làm minh chứng cho nghiệp vụ bán hàng.

1.3.3) Chức năng lưu kho

Đây là chức năng nhằm bảo quản và quản lý tài sản của doanh nghiệp khi vật tư, hàng hoá, thành phẩm được nhập kho. Công việc này doanh nghiệp phải tổ chức canh phòng bảo vệ tránh mất mát, tránh bị lạm dụng tài sản, đồng thời sử dụng các trang thiết bị bảo quản nhằm đảm bảo điều kiện bảo quản vật chất. Khi nhập kho hay xuất kho các bên phải có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thủ kho mới được nhập, xuất kho. Mặt khác thủ kho là người chịu trách nhiệm về tài sản mình trông coi và phải ghi chép để theo dõi về số lượng vật tư, hàng hoá, thành phẩm nhập-xuất- tồn kho.

CHƯƠNG II:**THỰC TRẠNG KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG HP.****2.1) TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY****2.1.1) Quá trình hình thành và phát triển của công ty**

Tên công ty : công ty cổ phần vật tư nông nghiệp và xây dựng hải Phòng

Địa chỉ : số 125 Trần thành Ngọ - Kiến An – Hải Phòng

Số điện thoại : 0313793379

Mã số thuế : 0200116918

Công ty cổ phần và vật tư nông nghiệp Hải Phòng được thành lập từ những năm 60, tiền thân với tên gọi là công ty tư liệu sản xuất nông nghiệp Hải Phòng, trụ sở làm việc chính nằm ở phía Tây Nam thành phố tại số 125 Trần Thành Ngọ- quận Kiến An- thành phố Hải Phòng. Sau thời gian hoạt động sản xuất kinh doanh do yêu cầu của tổ chức tháng 7 năm 1969 theo quyết định số 33/QĐ của bộ Nông Nghiệp công ty được đổi tên thành công ty vật tư nông nghiệp cấp II Hải Phòng.

Tháng 4 năm 1979 thực hiện chủ trương của UBNN thành phố Hải Phòng và trung ương về việc thực hiện mô hình cấp huyện là cấp kinh tế hoàn chỉnh thì các trạm vật tư nông nghiệp trực thuộc công ty được bàn giao về huyện thành lập công ty đại lý cung ứng vật tư(công ty vật tư cấp 3 do huyện quản lý). Trong quá trình hoạt động kinh doanh các công ty đại lý cung ứng vật tư nông nghiệp huyện hoạt động kinh tế không có hiệu quả kinh tế, tình trạng thua lỗ thất thoát hàng hoá luôn xảy ra. Trước tình hình đó cùng với sự thay đổi của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý điều tiết của Nhà nước nên tháng 8/1988 UBNN thành phố Hải Phòng có quyết định số 680 /QĐUB “ về việc kiện toàn sắp xếp lại hệ thống ngành vật tư thành phố” hợp nhất các công ty đại lý cung ứng vật tư nông nghiệp của 6 huyện thành các trạm vật tư nông nghiệp do công ty vật tư nông nghiệp cấp 2 quản lý.

Theo nghị định 338 / HĐBT của hội đồng bộ trưởng, ngày 8/12/1992 công ty vật tư nông nghiệp Hải Phòng được UBNN thành phố ra quyết định số

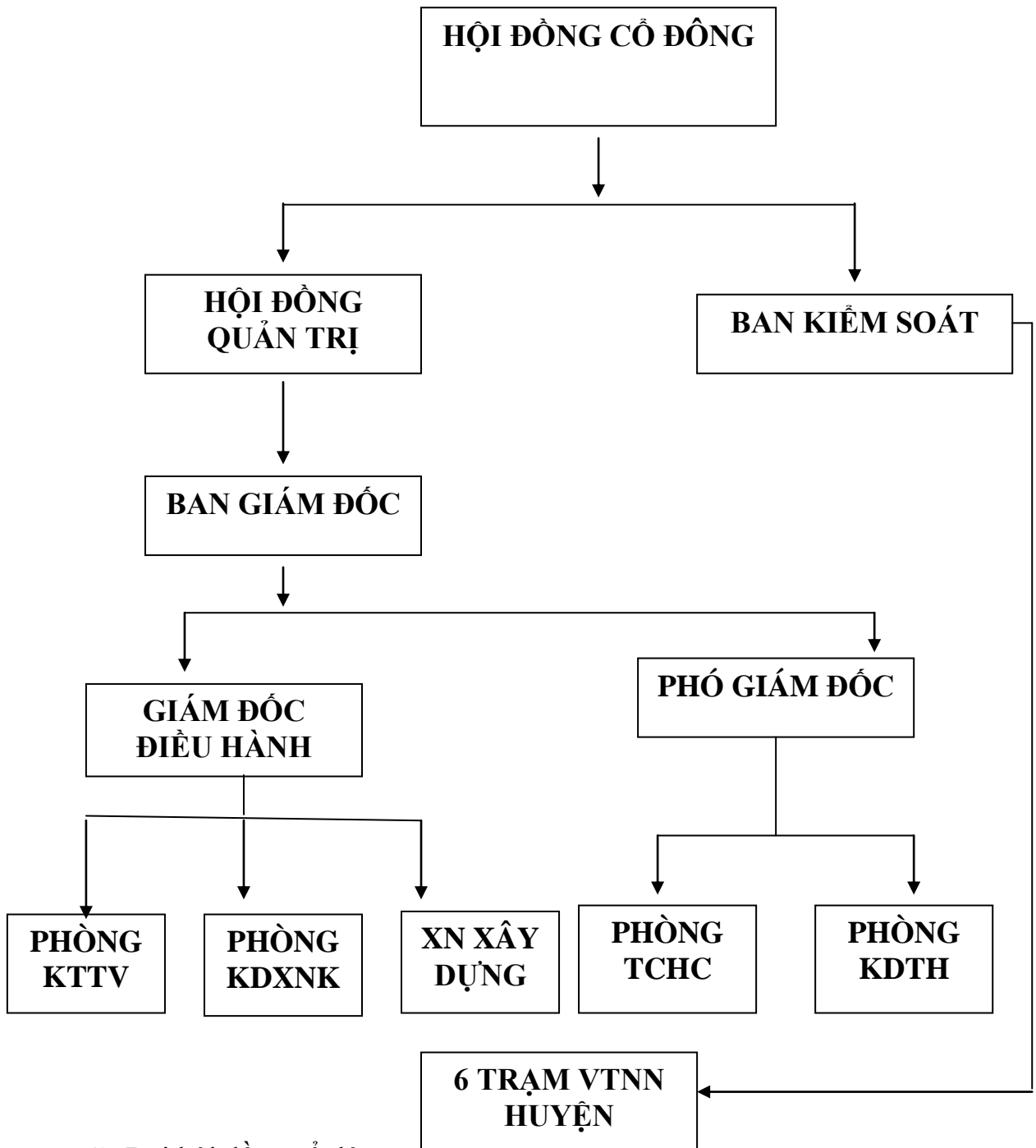
1422/QĐTCCQ thành lập doanh nghiệp Nhà nước có tên là công ty vật tư nông nghiệp Hải Phòng, tên giao dịch quốc tế là Hamexco.

Năm 1995 theo quyết định của UBND thành phố Hải Phòng công ty lại được tiếp nhận nông nghiệp cho bà con nông dân với các hình thức : bán buôn, bán lẻ, bán đại lý, thu mua và xuất khẩu nông sản như: cà phê, hồ tiêu cho các nước trong khối Asean. Xây dựng các công trình nhà ở vừa và nhỏ, các công trình phúc lợi công cộng: trường học, trạm y tế xã, phường, các công trình kênh mương cứng phục vụ tưới tiêu nông nghiệp

Công ty cổ phần vật tư và nông nghiệp Hải Phòng là đơn vị có số vốn nhà nước chiếm 38% trong tổng số vốn điều lệ của công ty, có tư cách pháp nhân, hạch toán kế toán độc lập, có tài khoản bằng đồng Việt Nam dùng ngoại tệ Ngân hàng. Công ty hoạt động theo sự chỉ đạo của Nhà nước, hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch thành phố giao.

2.1.2) Tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh của công ty

Sơ đồ bộ máy tổ chức: **Sơ đồ 2.1:**



1) Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty cổ phần vật tư nông nghiệp và cây dựng Hải Phòng bao gồm; ĐHĐCĐ thành lập, ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường

2) Hội đồng quản trị:

Là cơ quan cao nhất của công ty cổ phần giữa 2 nhiệm kỳ HĐQT HĐQT bầu và bãi nhiệm chủ tịch HĐQT và phó chủ tịch HĐQT giúp việc. HĐQT có toàn quyền nhân danh công ty cổ phần quyết định các vấn đề có liên quan đến mục đích

quyền lợi của công ty phù hợp với luật pháp, quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện các hoạt động kinh doanh và các công việc của công ty trong phạm vi nhiệm vụ của mình

3) Ban giám đốc

Gồm một đồng chí giám đốc điều hành và một đồng chí phó giám đốc

- Giám đốc điều hành: phụ trách chung đồng thời trực tiếp chỉ đạo. Phòng tài vụ, phòng kinh doanh, phòng tổ chức hành chính trạm vật tư nông nghiệp các huyện

- Phó giám đốc: Phụ trách phòng TCHC và phòng kế toán tổng hợp.

4) Phòng tổ chức hành chính gồm: 8 người. Có một trưởng phòng, phụ trách chung có nhiệm vụ tham mưu giúp việc cho giám đốc tổ chức bộ máy phân công lao động và mọi hoạt động về tài chính, BHXH, quân sự văn thư bảo mật, lao động tiền lương

5) Phòng kinh doanh tổng hợp;

Gồm 5 đồng chí trong đó có 1 đồng chí trưởng phòng, 1 đồng chí phó phòng chỉ nhân viên làm nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh, hướng dẫn các nghiệp vụ kinh doanh đồng thời tổ chức tiêu thụ hàng hoá.

6) Phòng kế toán tài vụ: trong đó có 1 đồng chí trưởng phòng và một đồng chí phó phòng và 4 nhân viên có nhiệm vụ tham mưu giúp việc cho giám đốc về vấn đề tài chính kế toán, lo vốn và quản lý vốn, hạch toán sổ sách kế toán, theo dõi hướng dẫn các đơn vị công tác kế toán và chuyên môn hoá hoạt động kế toán.

7) Phòng kinh doanh xuất nhập khẩu: do đồng chí giám đốc điều hành trực tiếp phụ trách. Gồm 5 đồng chí, 1 trưởng phòng và 4 nhân viên chịu trách nhiệm Nhập khẩu phân bón các loại, thu mua xuất khẩu nông sản

8) Xí nghiệp xây dựng: có 8 đồng chí, chịu trách nhiệm xây dựng công trình nhà ở vừa và nhỏ, các công trình phúc lợi công cộng

9) Ban kiểm soát: có 3 đồng chí gồm 1 trưởng ban kiểm soát mọi hoạt động quản trị kinh doanh và điều hành của công ty, được quyền triệu tập HĐQT bất thường, làm việc theo chế độ không chuyên trách được hưởng các thù lao do ĐHDCĐ quyết định

10) Trạm vật tư nông nghiệp huyện: Gồm 6 trạm có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ vật tư nông nghiệp cho bà con nông dân trên địa bàn huyện bán hàng chậm trả cho từng hộ nông dân nghèo theo chỉ thị 27 của UBND TP HP, kinh doanh tiêu thụ hàng hoá, hạch toán lỗ lời

2.1.3) Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

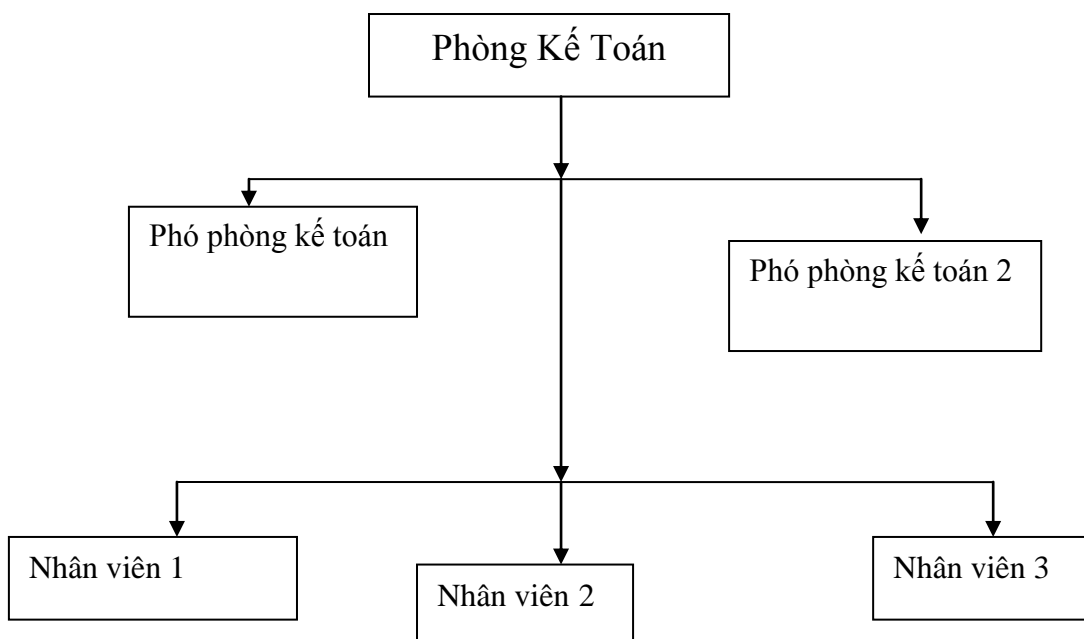
Hiện nay ở các doanh nghiệp thường áp dụng một trong 3 hình thức tổ chức bộ máy kế toán đó là hình thức phân tích, hình thức tập trung, hình thức vừa tập trung vừa phân tích. Song do yêu cầu đặc điểm tổ chức hoạt động kinh doanh và những điều kiện cơ sở tổ chức công tác kế toán mà công ty vật tư nông nghiệp Hải Phòng đó áp dụng bộ máy kế toán theo hình thức tập trung và áp dụng công tác kế toán tờ khai thường xuyên.

Tuy có nhiều cơ sở nhưng hình thức kế toán này công ty chỉ lập một phòng tài vụ đảm nhiệm toàn bộ công tác kế toán của công ty.

Các bộ phận trong công ty chỉ lập những chứng từ phát sinh tại bộ phận rồi gửi về phòng tài vụ của công ty. Vì vậy đảm bảo được sự lãnh đạo tập trung thống nhất đối với công tác chuyên môn kiểm tra xử lý các thông tin kinh tế, kế toán kịp thời chặt chẽ thuận tiện cho việc phân công lao động.

Sơ đồ 2.2:

Sơ đồ bộ máy kế toán



1) Kế toán trưởng: chịu trách nhiệm trước ban giám đốc về chế độ hạch toán kế toán, thống kê của công ty theo pháp lệnh kế toán thống kê của nhà nước ban hành. Tham mưu với ban giám đốc về cơ chế khoán, quản lý vốn, hàng hóa, chi phí, kế hoạch nhận hàng và giá cả giao hàng cho các đơn vị trực thuộc công ty.

2) Phó phòng kế toán: Tổng hợp quyết toán công ty lập báo cáo tài chính gửi các ngành, quyết toán tài chính, tờ khai và quyết toán thuế, theo dõi TSCĐ chi tiết của văn phòng công ty, tham mưu với trưởng phòng về cách quản lý sử dụng vốn có hiệu quả.

3) Nhân viên kế toán gồm 3 đồng chí có phụ trách chức năng từng mảng kế toán riêng:

+ kế toán tổng hợp có trách nhiệm kiểm soát toàn bộ các chứng từ gốc, tính phân bổ khoa học, các khoản trích trước công nợ.....

+ Kế toán thanh toán : kiểm tra hoá đơn chứng từ và ghi sổ chi tiết làm các thủ tục thanh toán, thu, chi tiền lương, các khoản phải thu, phải trả khách hàng hằng ngày hoặc định kỳ, đối chiếu với thủ quỹ, với sổ tổng hợp đồng thời theo dõi biến động tài sản của công ty.

+ Kế toán vật tư: theo dõi tình hình biến động vật tư hàng hoá công cụ dụng cụ nhỏ làm các thủ tục xuất nhập vào các sổ chi tiết.

Hình thức kế toán công ty áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam : niên độ bắt đầu từ 1/1 kết thúc ngày 31/12 của năm báo cáo, đơn vị sử dụng tiền tệ trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam. Hình thức kế toán sử dụng là hình thức nhật ký chứng từ.

Công ty áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê để phân loại phẩm chất, tính giá hàng tồn kho cuối kỳ theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Phương pháp đánh giá TSCĐ phương pháp khấu hao áp dụng theo phương pháp đường thẳng.

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chứng từ có ưu điểm là hạn chế việc ghi trùng lặp, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán có nhược điểm khó áp dụng máy vi tính

*) Tình hình thực hiện công tác hạch toán ban đầu

Hệ thống chứng từ và tài khoản tại công ty cổ phần vật tư nông nghiệp và xây dựng Hải Phòng : Công ty đã tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã tổ chức, vận dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều căn cứ vào chứng từ gốc để ghi vào các nhật ký, các bản kê chi tiết có liên quan

- Nhật ký chứng từ số 1 ghi có TK111
- Nhật ký chứng từ số 2 ghi có TK112
- Nhật ký chứng từ số 3 ghi có TK113
- Nhật ký chứng từ số 4 ghi có TK311,315,341,34
- Nhật ký chứng từ số 5 ghi có TK331
- Nhật ký chứng từ số 8 ghi có TK155,156,157,159,131,511,515,632...
- Nhật ký chứng từ số 9 ghi có TK 211,212

Bảng kê được sử dụng ghi các chi tiêu kế toán chi tiết các tài khoản

- Bảng kê số 1 ghi nợ TK111
- Bảng kê số 2 ghi có TK 112
- Bảng kê số 8 – Theo dõi nhập xuất tồn
- Bảng kê số 10 – Theo dõi hàng gửi bán
- Bảng kê số 11 – theo dõi thanh toán với người mua

Thuế đơn vị phải nộp gồm thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế đất, thuế trên vốn, doanh thu

Niên độ kế toán bắt đầu từ 1/1 kết thúc 31/12 của năm báo cáo

2.2.4) Thực tế công tác tổ chức kế toán của công ty

Hạch toán ban đầu

b) Kế hoạch tài chính của công ty năm 2010 như sau:

Kế hoạch và thực hiện tài chính năm 2009 kế hoạch năm 2010

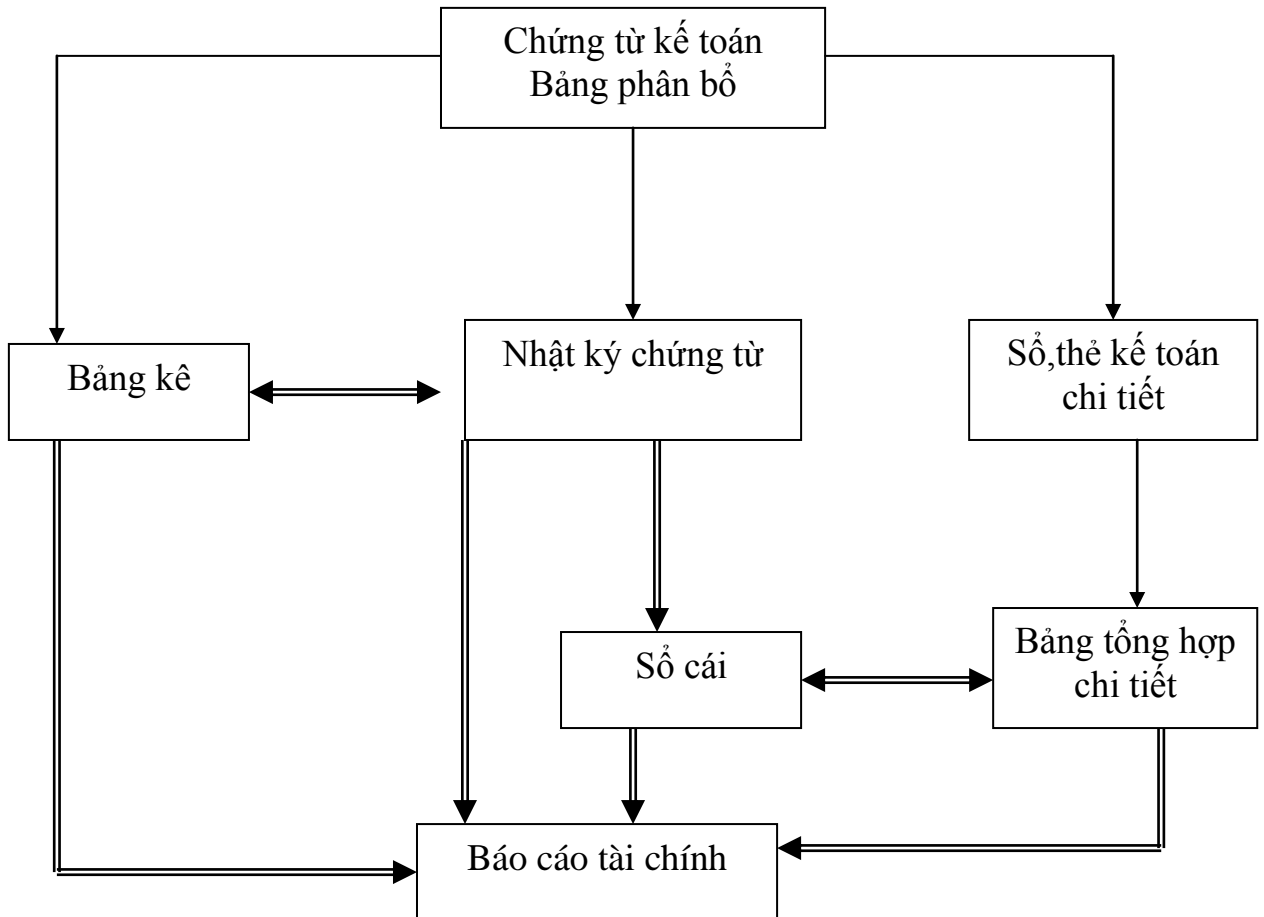
Chỉ tiêu	KH 2009	TH 2009	KH 2010	Tỷ lệ %	
				2/1	3/1
I/ TSCĐ	4.087.809.450	3.652.234.915	3.652.234.915	89,34	100
II/ Nguồn vốn kinh doanh	10.093.225.268	10.093.225.268	10.093.225.268	100	100
- Vốn cố định	4.087.809.450	3.652.234.915	3.652.234.915	89,34	100
- Vốn lưu động	6.005.415.818	6.440990.353	6.440.990.353	107,25	100
Tổng doanh thu	150.000.000.00	245.854.101.077	160.000.000.000	163,9	106,6
Giá vốn hàng bán	145.000000.000	236.006.237.444	150.000.000.000	162,7	103,4
- Lợi tức gộp	5.000.000.000	9.847.863.633	10.000.000.000	196,5	200
Cp QLDN	1.108.009.536	6.807.290.421	5.136.716.692	614,3	463,5
Lợi tức thuần từ hoạt động sxkd	513.833.986	771.476.406	1.500.000.000	150,1	194,4
Thu nhập HĐTC	14.906.424	18.260.218	15000.000	122,4	100,6
Chi phí HĐTC	734.624.243	862.076.304	1.425.600.300	117,3	165,3
Lợi tức từ HĐTC	(719.717.819)	(843.816.086)	0	117,2	0
Các khoản LN #	231.383.833	119.899.531	0	51,8	0
Tổng LN/Thuế	25.500.000	47.559.851	50.000.000	186,5	196
Thuế TN phải nộp	4.173.789	15.219.152	4.200.000	364,6	100
Lợi tức sau thuế	24.207.600	32.340.698	39.240.656	133,5	100,6
Thực hiện nghĩa vụ với NSNN	3.210.580.465	4.505.247.844	4.656.700.350	140,3	103,3
Thu nhập bình quân năm	6.049.895	7.632.936	8.389.572	126,6	109,9

Nhận xét: Từ số liệu ở bảng trên ta thấy thực hiện năm 2010 nhìn chung các chi tiêu đều tăng so với kế hoạch năm 2009. Kế hoạch năm 2010 đều tăng so với kế hoạch năm 2009 chứng tỏ công ty có chiều hướng kinh doanh tốt. Trong quá trình thực hiện các kế hoạch tài chính, phòng tài chính kế toán là bộ phận chức năng giúp giám đốc giám sát thực hiện tài chính đó đề ra cho từng báo cáo.

Căn cứ vào kết quả đó đạt được về tất cả các chỉ tiêu, sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, tiền lương.

Sơ đồ 2.3 :

**LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ SỔ SÁCH
KẾ TOÁN TẠI DOANH NGHIỆP**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ———→

Ghi cuối tháng: ==>

Đối chiếu <==>

2.2) THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp và xây dựng HP là doanh nghiệp kinh doanh thương mại với hai hoạt động chủ yếu là hoạt động mua hàng hoá và hoạt động bán hàng hoá cho người tiêu dùng hay các đơn vị trung gian .

Công ty CP vật tư nông nghiệp và xây dựng HP áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán, xác định hàng tồn kho cuối kỳ theo phương pháp bình quân gia quyền :

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{hàng hóa xuất} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng hóa} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá thực} \\ \text{tế bình quân} \\ \text{của hàng hóa} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình} \\ \text{quân} \\ \text{cả kỳ dự trữ} \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

*** Chứng từ sử dụng;**

Hoá đơn GTGT(mua hàng liên 2, bán hàng liên 1)

Phiếu nhập kho

Phiếu xuất kho

Thẻ kho

Biên bản kiểm kê vật tư, hàng hoá

***Tài khoản sử dụng:**

Trong quá trình hạch toán công ty sử dụng tài khoản sau:

TK 156 –Vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá)

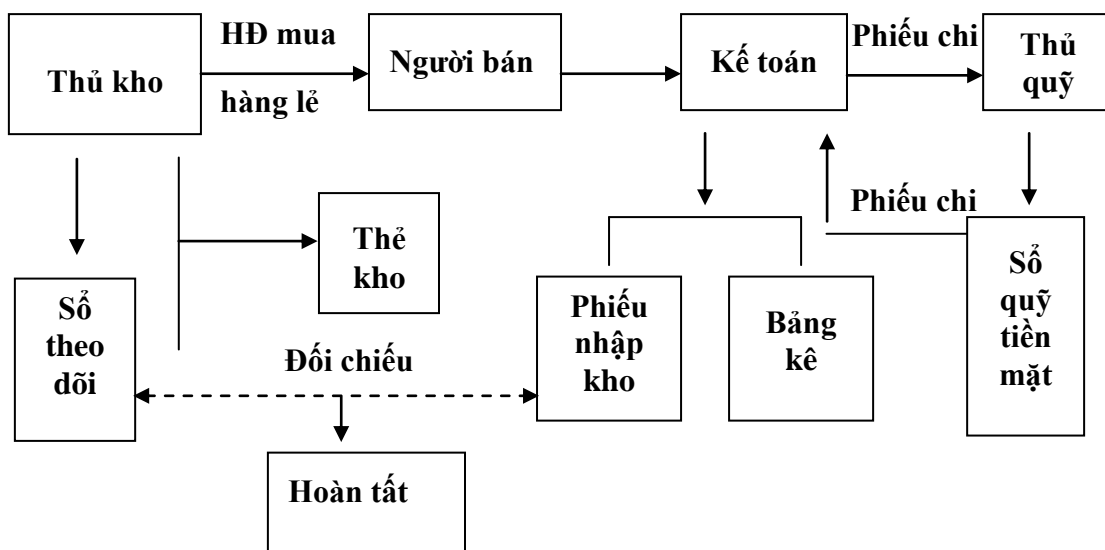
TK 1562- Chi phí mua hàng

- + TK 156: Hàng hoá
- + TK 157: Hàng gửi bán
- + TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- + TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ
- + TK 331: Phải trả cho người bán
- + TK 611: Mua hàng
- + TK 631: Giá thành sản xuất
- + TK 632: Giá vốn hàng bán

- + TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- + TK 627: Chi phí sản xuất chung
- + TK 641: Chi phí bán hàng
- + TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.1) Quá trình thu mua hàng hóa :

**Sơ đồ 2.4: Quy trình luân chuyển chứng từ trong khâu mua hàng
Của công ty**



- Hàng ngày kiểm phẩm thống nhất với Ban giám đốc công ty về giá thu mua trong ngày. Căn cứ vào chất lượng đạmlân,nông sản..., kiểm phẩm ghi giá mua vào phiếu mua hàng lẻ (lập 01 liên) theo số lượng nhập kho do thủ kho ghi. Số lượng vật tư mua vào ghi bằng số và chữ và được thủ kho nhân với đơn giá để tính thành tiền. Kiểm phẩm ký tên dưới đơn giá và thủ kho ký tên dưới số lượng. Sau đó thủ kho ghi vào sổ theo dõi số lượng mua vào.

- Phiếu mua hàng lẻ được thủ kho giao cho người bán hàng để đến kế toán lập phiếu chi. Kế toán kiểm tra phiếu mua hàng lẻ (không thanh toán phiếu có tẩy xóa) số và chữ có phù hợp nhau không? Kế toán lập phiếu chi (02 liên) căn cứ vào số lượng và đơn giá trên phiếu mua hàng lẻ tính thành tiền và trình Ban giám đốc ký vào phiếu chi. Sau đó phiếu chi được kế toán chuyển thủ quỹ để chi tiền cho

khách hàng. Thủ quỹ từ chối chi những phiếu chi có tẩy xóa và chuyển về kế toán lập lại phiếu chi khác.

- Cuối mỗi ngày thủ quỹ tổng hợp mọi phiếu chi ghi vào sổ quỹ số tiền đã chi thu mua trong ngày và gửi kế toán mọi phiếu chi. Kế toán tổng hợp các phiếu chi, lập bảng kê thu mua và phiếu nhập kho. Bảng kê thu mua, phiếu chi và phiếu nhập kho đều phải có chữ ký của Giám đốc (hoặc Phó giám đốc). Riêng phiếu nhập kho: thủ kho căn cứ vào sổ theo dõi để đối chiếu số lượng nhập kho ký tên vào phiếu nhập kho và ghi vào thẻ kho.

☞ Mua hàng theo hợp đồng (DN quốc dân hoặc DN tư nhân)

- Các hợp đồng phải gửi về phòng TCKT.
- Căn cứ vào hợp đồng và số lượng gạo nhập kho, kế toán lập phiếu nhập kho và phiếu chi tiền (phải có chữ ký của Giám đốc), thủ quỹ căn cứ phiếu chi tiền để thanh toán cho khách hàng.

Hạn chế ứng tiền trước cho khách hàng. Nếu có ứng tiền trước phải có sự chấp thuận của Ban giám đốc Công ty và báo về phòng kế toán.

-Phiếu nhập kho: Nhằm xác định số lượng vật tư, công cụ, dụng cụ, sản phẩm hàng hoá nhập kho làm căn cứ ghi thẻ kho thanh toán tiền hàng, xác định trách nhiệm với người có liên quan và ghi sổ kế toán.

Phiếu nhập kho được in thành 2 liên (đặt giấy than viết 1 lần), người lập phiếu ký và ghi rõ họ tên.

Nhập kho xong thủ kho ghi ngày tháng năm nhập kho và cùng người giao hàng ký vào phiếu. Thủ kho giữ lại 2 liên để ghi vào thẻ kho và sau đó chuyển cho phòng kế toán và 1 liên lưu ở nơi lập phiếu.

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT mua hàng ngày 1/12

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		QX/2010B			
Liên 1: Giao cho khách hàng		0035009			
<i>Ngày 1 tháng 12 năm 2010</i>					
Đơn vị bán hàng : công ty CPTM Thiệu Yên					
Địa chỉ : Hai Bà Trưng- Lê Chân –Hải phòng					
Số tài khoản.....					
Điện thoại :.....MS: 5700101690001					
Tên đơn vị mua hàng : công ty cổ phần vật tư NN & XD Hải Phòng					
Địa chỉ : số 125 Trần Thành Ngọ-Kiến An -HP					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : TM MS : 0200116918					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	1*2
1	Đạm Trung Quốc	kg	760.000	2.000	1.520.000.000
Cộng tiền hàng:				1.520.000.000	
Thuế suất GTGT:.....10%.....		Tiền thuế GTGT :		152.000.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:				1.672.000.000	
Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ sáu trăm bảy hai triệu đồng					
Người mua hàng (đk)		Người bán hàng (đk)		Thủ trưởng đơn vị (đk, đóng dấu)	

Biểu 2.2: Phiếu nhập kho hàng hóa ngày 1/12

VD1: mua đạm Trung Quốc của công ty CPTM Thiệu Yên

đơn vị.....

PHIẾU NHẬP KHO

số: 01

địa chỉ.....

Nợ...156...có 331..

Họ tên người giao hàng : công ty CP vật tư nông nghiệp và xây dựng HP

Theo HĐ số 0704 ngày 1 tháng 12 năm 2010 của công ty CPTM Thiệu Yên

Nhập tại kho:.....

stt	Tên nhãn hiệu,sp	Mã số	đơn vị tính	Số lượng		đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
1	Đạm Trung Quốc		kg	760.000	760.000	2000	1.520.000.000
2						
3						
	Cộng						1.520.000.000

Cộng thành tiền(bằng chữ): Một tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng.

Ngày 1 tháng 12 năm 2010

Phụ trách cung tiêu

Người giao hàng

Thủ kho

Thủ trưởng đơn vị

.....

.....

.....

.....

Biểu 2.3 : Hóa đơn GTGT mua hàng ngày 21/12

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		QX/2010B			
Liên 1: Giao cho khách hàng		0035009			
<i>Ngày 21 tháng 12 năm 2010</i>					
Đơn vị bán hàng : công ty XNK Hà Anh					
Địa chỉ : Ngô Quyền –Hải phòng					
Số tài khoản.....					
Điện thoại :.....MS: 5700101691354					
Tên đơn vị mua hàng : công ty cổ phần vật tư NN & XD Hải Phòng					
Địa chỉ : số 125 Trần Thành Ngọ-Kiến An -HP					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : TM MS : 0200116918					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	1*2
1	Đạm Trung Quốc	kg	500.000	2.250	1.125.000.000
Cộng tiền hàng:				1.125.000.000	
Thuế suất GTGT:.....10%.....		Tiền thuế GTGT :		112.500.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:				1.237.500.000	
Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ hai trăm ba bảy triệu năm trăm nghìn					
Người mua hàng (đk)		Người bán hàng (đk)		Thủ trưởng đơn vị (đk, đóng dấu)	

Biểu 2.4 : Phiếu nhập kho hàng hóa ngày 21/12

VD2: mua Đạm Trung Quốc của công ty XNK Hà Anh

đơn vị.....

PHIẾU NHẬP KHO

số: 26

địa chỉ.....

Nợ 156...có 331

Họ tên người giao hàng : công ty CP vật tư nông nghiệp và xây dựng HP

Theo HĐ số 00823 ngày 21 tháng 12 năm 2010 của công ty CP XNK Hà Anh

Nhập tại kho; Phòng kinh doanh công ty

stt	Tên nhãn hiệu,sp	Mã số	đơn vị tính	Số lượng		đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
1	Đạm Trung Quốc		kg	500.000	500.000	2.250	1.125.000.000
2						
3						
	Cộng						1.125.000.000

Cộng thành tiền(bằng chữ): một tỷ một trăm hai năm triệu đồng

Ngày 21 tháng 12 năm 2010

Phụ trách cung tiêu

Người giao hàng

Thủ kho

Thủ trưởng đơn vị

.....

.....

.....

.....

Biểu 2.5 : Hóa đơn GTGT mua hàng ngày 22/12

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		QX/2010B			
Liên 1: Giao cho khách hàng		0035009			
Ngày 22 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng : công ty XNK Hà Anh					
Địa chỉ : Ngô Quyền –Hải phòng					
Số tài khoản.....					
Điện thoại :.....MS: 5700101691354					
Tên đơn vị mua hàng : công ty cổ phần vật tư NN & XD Hải Phòng					
Địa chỉ : số 125 Trần Thành Ngọ-Kiến An -HP					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : TM MS : 0200116918					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	1*2
1	Đạm Trung Quốc	kg	1.000	2.500	2.500.000
Cộng tiền hàng:				2.500.000	
Thuế suất GTGT:.....10%.....		Tiền thuế GTGT :		250.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:				2.750.000	
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn					
Người mua hàng (đk)		Người bán hàng (đk)		Thủ trưởng đơn vị (đk, đóng dấu)	

Biểu 2.6 :Phiếu nhập kho hàng hóa ngày 22/12

VD3:mua Đạm Trung Quốc của công ty XNK Hà Anh

đơn vị.....

PHIẾU NHẬP KHO

số: 28

địa chỉ.....

Nợ 156...có 331

Họ tên người giao hàng : công ty CP vật tư nông nghiệp và xây dựng HP

Theo HĐ số 00826ngày 22 tháng 12 năm 2010 của công ty CP XNK Hà Anh

Nhập tại kho; Phòng kinh doanh công ty

stt	Tên nhãn hiệu,sp	Mã số	đơn vị tính	Số lượng		đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
1	Đạm Trung Quốc		kg	1.000	1.000	2.500	2.500.000
2						
3						
	Cộng						2.500.000

Cộng thành tiền(bằng chữ): Hai triệu năm trăm nghìn đồng

Ngày 22 tháng 12 năm 2010

Phụ trách cung tiêu

Người giao hàng

Thủ kho

Thủ trưởng đơn vị

.....

.....

.....

.....

Biểu 2.7 : Phiếu chi ngày 25/12

Trả tiền mua Đạm Trung Quốc ngày 22/12

Phiếu chi ngày 25/12

Công ty CP vật tư nông nghiệp và xây dựng HP

Mẫu số: C31-BB

đc: số 125 Trần Thành Ngọ –Kiến An- Hải Phòng

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20 tháng 3 năm 2006 của BTC

PHIẾU CHI

Ngày 25 tháng 12 năm 2010

Nợ 156 : 2.500.000

Nợ 133 : 250.000

Có 111 : 2.750.000

Người nộp tiền: Nguyễn Thành Luân

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do chi: Tiền trả mua hàng

Số tiền : **2.750.000 VNĐ**

Bằng chữ: *Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*

Kèm theo 2 chứng từ gốc

Ngày 25 tháng 12 năm 2010

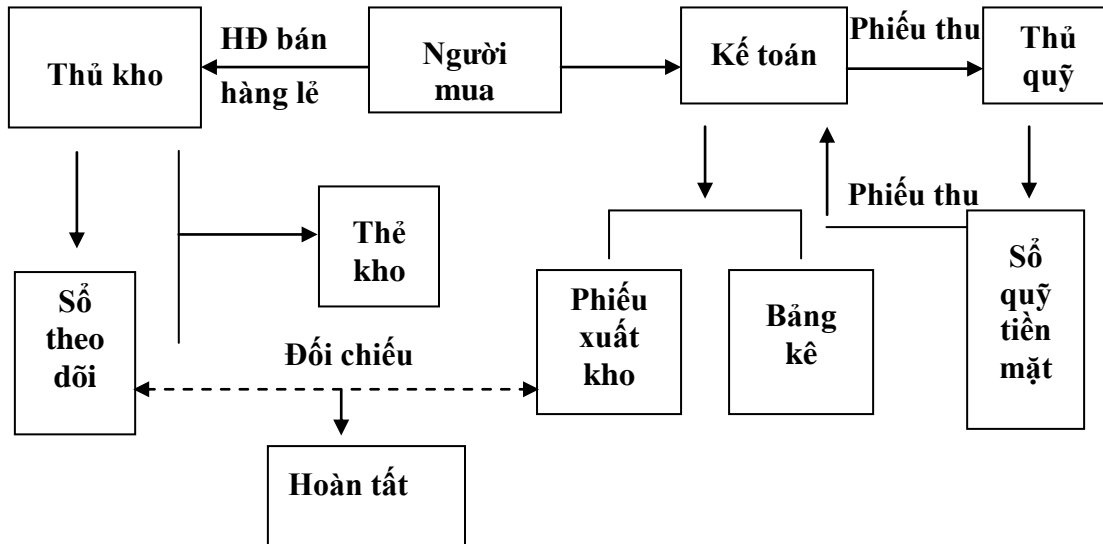
Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Thủ quỹ Người nhận tiền

(Ký,họ tên, đóng dấu) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký,họ tên) (ký,họ tên)

2.2.2) Quá trình bán hàng hóa :

Sơ đồ 2.5: Quy trình luân chuyển chứng từ trong khâu bán hàng

Của công ty

**2.2.2.1) Đặc điểm của quá trình bán hàng :**

- Theo kế hoạch Công ty: kế toán lập phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, các thủ tục đi đường khác giao cho phương tiện vận chuyển. Sau khi giao hàng xuống tàu xác định số lượng cụ thể, kế toán chi nhánh lập hóa đơn GTGT xuất bán cho Công ty theo giá thị trường.

- Ngoài kế hoạch Công ty:

+ Giá bán vật tư và nông sản do Ban giám đốc công ty quyết định

+ Căn cứ vào sự thỏa thuận hoặc hợp đồng ký kết kế toán lập phiếu thu chuyên thủ quỹ thu tiền. Thủ quỹ căn cứ vào phiếu thu tiền ghi vào sổ quỹ và chuyển trả kế toán. Kế toán lập hóa đơn GTGT giao cho khách hàng 1 liên để đến thủ kho nhận hàng. Khi giao hàng xong thủ kho phải ký tên vào hóa đơn GTGT và ghi giảm thẻ kho.

***Sổ sách liên quan:**

- Sổ chi tiết kế toán hàng tồn kho

- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá)

-Nhật ký chứng từ, Sổ cái

Với phương thức bán hàng chính là bán buôn vận chuyển thẳng các loại phân bón hoá học nên các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu trong quá trình bán hàng gồm

- Nghiệp vụ phản ánh doanh thu
- Chi phí bán hàng
- Thanh toán với NSNN về các khoản thuế
- Xác định kết quả tiêu thụ cho từng mặt hàng

-Phiếu xuất kho: Theo dõi chặt chẽ số lượng vật tư, công cụ, dụng cụ, sản phẩm hàng hoá xuất kho. làm căn cứ để hạch toán chi phí giá thành sản phẩm và kiểm tra việc định mức tiêu hao vật tư.

Phiếu xuất kho lập thành 3 liên(đặt giấy than viết 1 lần) .Sau khi lập phiếu người lập phiếu và kế toán trưởng ký và chuyển cho giám đốc uỷ quyền duyệt(ghi rõ họ tên) và giao cho người cầm phiếu xuống kho để nhận hàng.Sau khi xuất kho thủ kho ghi vào phiếu ngày tháng xuấtvà cùng người nhận hàng ký và ghi rõ họ tên vào phiếu xuất.

Công ty tính đơn giá hàng hóa xuất kho theo phương pháp bình cả kỳ dự trữ :

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{hàng hóa xuất} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng hóa} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá thực} \\ \text{tế bình quân} \\ \text{của hàng hóa} \end{array}$$

+ Bình quân cả kì dự trữ :

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Giá đơn vị bình quân của Đạm Trung Quốc

$$\begin{aligned} &= (4.648.954.590 + 45.250.000.000) / (1.700.000 + 20.000.000) \\ &= 2.200 \text{ (đồng/kg)} \end{aligned}$$

Biểu 2.8 :Hóa đơn GTGT bán hàng ngày 15/12

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		QX/2010B			
Liên 1: Giao cho khách hàng		0035009			
Ngày 15 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng : công ty cổ phần vật tư NN & XD Hải Phòng					
Địa chỉ : số 125 Trần Thành Ngọ-Kiến An -HP					
Số tài khoản.....					
Điện thoại :.....MS: 0200116918					
Tên đơn vị mua hàng : Bà Nguyễn Thị Hoa					
Địa chỉ : Lê Chân – Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : TM					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	1*2
1	Đạm Trung Quốc	kg	100	2.500	250.000
Cộng tiền hàng:				250.000	
Thuế suất GTGT:.....10%.....		Tiền thuế GTGT :		25.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:				275.000	
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm bảy lăm nghìn đồng					
Người mua hàng (đk)		Người bán hàng (đk)		Thủ trưởng đơn vị (đk, đóng dấu)	

Biểu 2.9: Phiếu xuất kho hàng hóa ngày 15/12đơn vị cty CP vật tư NN & XDHP. **PHIẾU XUẤT KHO** số: 18

địa chỉ.KA-HP ngày 15/12/2010 Nợ...632...có 156..

Họ tên người nhận hàng : Nguyễn thị Hoa. Bộ phận :Quầy 01

Lý do xuất : Bán lẻ

Xuất tại kho:...01...của công ty CP vật tư NN và XD HP

stt	Tên nhãn hiệu,sp	Mã số	đơn vị tính	Số lượng		đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
1	Đạm trung quốc		kg	100	100	2.200	220.000
2						
3	Cộng						220.000

Cộng thành tiền(bằng chữ): Hai trăm hai mươi nghìn đồng

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Phụ trách cung tiêu

Người giao hàng

Thủ kho

Thủ trưởng đơn vị

.....

.....

.....

.....

Biểu 2.10 :Hóa đơn GTGT bán hàng ngày 16/12

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		QX/2010B			
Liên 1: Giao cho khách hàng		0035009			
<i>Ngày 16 tháng 12 năm 2010</i>					
Đơn vị bán hàng : công ty cổ phần vật tư NN & XD Hải Phòng					
Địa chỉ : số 125 Trần Thành Ngọ-Kiến An -HP					
Số tài khoản.....					
Điện thoại :MS: 0200116918					
Tên đơn vị mua hàng : Hoàng xuân Quý					
Địa chỉ : Lê Chân – Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : TM					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	1*2
1	Đạm Trung Quốc	kg	50	2.500	125.000
Cộng tiền hàng:				125.000	
Thuế suất GTGT:.....10%.....		Tiền thuế GTGT :		12.500	
Tổng cộng tiền thanh toán:				137.500	
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm ba bảy nghìn năm trăm đồng					
Người mua hàng (đk)		Người bán hàng (đk)		Thủ trưởng đơn vị (đk, đóng dấu)	

Biểu 2.11: Phiếu xuất kho hàng hóa ngày 16/12đơn vị cty CP vật tư NN & XDHP. **PHIẾU XUẤT KHO** số: 20

địa chỉ.KA-HP

ngày 16/12/2010

Nợ 632 có 156

Họ tên người nhận hàng : Hoàng xuân Quý. Bộ phận :Quầy 02

Lý do xuất : Bán lẻ

Xuất tại kho:...01...của công ty CP vật tư NN và XD HP

stt	Tên nhãn hiệu,sp	Mã số	đơn vị tính	Số lượng		đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
1	Đạm Trung Quốc		kg	50	50	2.200	110.000
2						
3	Cộng						110.000

Cộng thành tiền(bằng chữ): Một trăm mười nghìn

Ngày 16 tháng 12 năm 2010

Phụ trách cung tiêu

Người giao hàng

Thủ kho

Thủ trưởng đơn vị

.....

.....

.....

.....

Biểu 2.12 :Hóa đơn GTGT bán hàng ngày 22/12

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT-3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			QX/2010B		
Liên 1: Giao cho khách hàng			0035009		
<i>Ngày 22 tháng 12 năm 2010</i>					
Đơn vị bán hàng : công ty cổ phần vật tư NN & XD Hải Phòng					
Địa chỉ : số 125 Trần Thành Ngọ-Kiến An -HP					
Số tài khoản.....					
Điện thoại :MS: 0200116918					
Tên đơn vị mua hàng : Bà Nguyễn Thị Hoa					
Địa chỉ : Lê Chân – Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : TM					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	1*2
1	Đạm Trung Quốc	kg	1000	2.600	2.600.000
Cộng tiền hàng:					2.600.000
Thuế suất GTGT:.....10%.....		Tiền thuế GTGT :			260.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.860.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn					
Người mua hàng (đk)		Người bán hàng (đk)		Thủ trưởng đơn vị (đk, đóng dấu)	

Biểu 2.13 :Phiếu xuất kho hàng hóa ngày 22/12đơn vị cty CP vật tư NN & XDHP. **PHIẾU XUẤT KHO** số: 25

địa chỉ.KA-HP ngày 22/12/2010 Nợ...632...có 156..

Họ tên người nhận hàng : Nguyễn thị Hoa. Bộ phận :Quầy 01

Lý do xuất : Bán lẻ

Xuất tại kho:...Tiên Lãng ...của công ty CP vật tư NN và XD HP

stt	Tên nhãn hiệu,sp	Mã số	đơn vị tính	Số lượng		đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
1	Đạm Trung Quốc		kg	1000	1000	2.200	2.200.000
2						
3	Cộng						2.200.000

Cộng thành tiền(bằng chữ): Hai triệu hai trăm nghìn

Ngày 22 tháng 12 năm 2010

Phụ trách cung tiêu

Người giao hàng

Thủ kho

Thủ trưởng đơn vị

.....

.....

.....

.....

Biểu 2.14 :Phiếu thu ngày 22/12

Công ty CP vật tư nông nghiệp và xây dựng HP

Mẫu số: C31-BB

đc: số 125 Trần Thành Ngọ –Kiến An- Hải Phòng

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20 tháng 3 năm 2006 của BTC

PHIẾU THU

Ngày 22 tháng 12 năm 2010

Số: 08

Quyển số:

Nợ 111 : 2.860.000

Có 511 : 2.600.000

Có 333(1) : 260.000

Họ tên người nộp tiền: Bà Nguyễn Thị Hoa

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do thu: Thu tiền từ bán hàng

Số tiền: **2.860.000.VNĐ**

Bằng chữ: *Hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn*

Kèm theo 2 chứng từ gốc

Ngày 22 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nộp tiền
<i>(ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền : 2.860.000đồng

(Bằng chữ: Hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn)

-Thẻ kho:Dùng để thủ kho ghi số lượng mỗi lần vật tư hàng hoá,sản phẩm công cụ,dụng cụ mỗi lần nhập kho, xuất kho,theo dõi số lượng nhập,xuất,tồn ở kho.Làm căn cứ xác định số lượng tồn kho dự trữ vật liệu,dụng cụ,sản phẩm và xác định trách nhiệm của thủ kho.

Biểu 2.15 :Thẻ kho tháng 12

Doanh nghiệp : công ty CP vật tư NN và XD HP

mẫu số 06-VT

Tên kho :Kiến Thụy

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20 tháng 3 năm 2006 của BTC

Thẻ kho

Tờ số :01

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tên vật tư hàng hóa : Đạm Trung Quốc

Đơn vị tính : kg

stt	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Ký xn của kt
	Số	Ngày		Nhập	Xuất	Tồn	
01			Tồn ĐK			1.700.000	
02			Nhập trong kỳ	20.000.000			
03	Px06	3/12/2010	Xuất trạm kiến thủy		5.500.000	16.200.000	
04	Px08	5/12/2010	Xuất trạm kiến thủy		7.598.000	8.602.000	
05	Px18	15/12/2010	Xuất bán lẻ		100	8.601.900	
06	Px20	16/12/2010	Xuất bán lẻ		50	8.601.850	
07	Px25	22/12/2010	Xuất bán lẻ		1000	8.600.850	
08	Px25	30/12/2010	Xuất trạm kiến thủy		3.100.850	5.500.000	
09		31/12/2010	Tồn CK			5.500.000	

-Biên bản kiểm kê vật tư hàng hoá: Đối với vật liệu,dụng cụ sản phẩm hàng hoá khi nhận đều được kiểm kê về mặt số lượng và chất lượng.Cuối kỳ kế toán tiến hành kiểm kê số vật liệu,dụng cụ, sản phẩm hàng hoá tồn kho thực tế.Thực hiện đối chiếu giữa số liệu kế toán với thẻ kho, giữa số liệu trên sổ kế toán với thực tế hàng tồn kho.

Biểu 2.16 :Biên bản kiểm kê hàng hóa tồn kho

Công ty CP VTNN & XD -HP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**Biên bản kiểm kê****Hàng hóa tồn kho đến hết ngày 31/12/2010**

Căn cứ vào sự chỉ đạo của hội đồng quản trị, ban giám đốc công ty CP vật tư NN và xây dựng HP ngày 31/12/2010

Hôm nay ngày 31/12/2010 tại : kho Kiến Thụythành phần ban kiểm kê gồm

1.Đại diện Ban giám đốc :ông Phạm văn Nhuận - PGĐ

2.Phòng KD :ông Đào Quang Hiệu - Trưởng phòng KD

3.phòng KT tài vụ: bà Nguyễn Thị Tuyết Mai - phó phòng KT

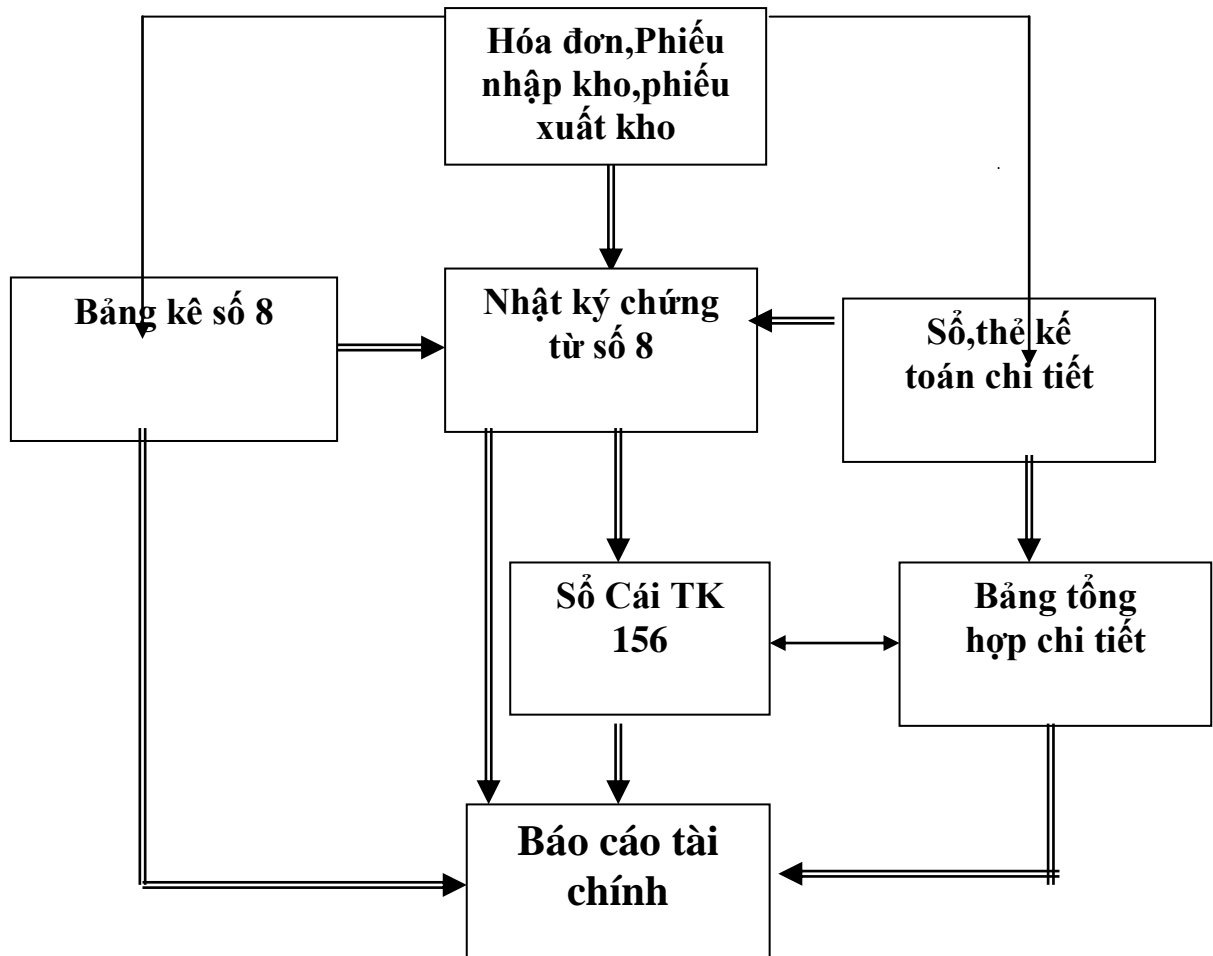
4.Kho Kiến Thụy :ông Nguyễn Thành Luân

Chúng tôi đã cùng nhau kiểm kê hàng hóa tồn kho đến hết ngày 31/1/2010 kho Kiến Thụy cụ thể như sau:

stt	Tên Hàng Hóa	đơn vị tính	Lượng tồn theo sổ KT	Số thực tế kiểm kê	Trong đó		Thừa kiểm kê	Thiếu kiểm kê
					Mất phẩm chất	Kém phẩm chất		
1	Đạm Hà Bắc	kg	49.450	49.450	0%	0%	0%	0%
2	Lân lâm thao	kg	285.800	285.800	0%	0%	0%	0%
3	NPK 5.10.3	Kg	229.700	229.700	0%	0%	0%	0%
4	NPK12.5.10	kg	56.000	56.000	0%	0%	0%	0%
5	Đạm Trung quốc	kg	5.500.000	5.500.000	0%	0%	0%	0%
6	NPk Ninh Bình	kg						
7	Kali	Kg						
8	NPK VN 16.16.8	kg						
9	NPK VN 16.10.6	kg						
10	Đạm SA	kg						

Sơ đồ 2.6

*Quy trình luân chuyển chứng từ sổ sách kế toán hàng tồn kho:



Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Ghi đối chiếu: \longleftrightarrow

Biểu 2.17 : Nhật ký chứng từ số 1 :

Đơn vị cty CP vật tư NN &XD HP

mẫu số S04a1-DN

Địa chỉ : KA-HP

(Ban hành qđ 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 bộ trưởng BTC)

Nhật ký chứng từ số 1**Ghi Có 111 - Tiền mặt****Tháng 12/2010**

Số tt	Ngày	Ghi có TK 111 nợ các TK		Cộng
		156	...	
1	22/12	25.000.000	30.000.000
2	
Cộng		50.000.000	950.000.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

Biểu 2.18 : Nhật ký chứng từ số 8 :

Đơn vị cty CP vật tư NN &XD HP

mẫu số S04a1-DN

Địa chỉ : KA-HP

(Ban hành qđ 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 bộ trưởng BTC)

Nhật ký chứng từ số 8:**Ghi có TK 155,156**

STT	SH TK ghi nợ	Các TK ghi có Các TK ghi nợ	156	Cộng
1	632	Giá vốn hàng bán	2.530.000	10.080.000
2
3
		Cộng	15.432.000	35.650.700.000

Biểu 2.19 : Bảng kê số 8

Đơn vị cty CP vật tư NN &XD HP

mẫu số S04a1-DN

Địa chỉ : KA-HP

(Ban hành qđ 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 bộ trưởng BTC)

**Bảng kê số 8
Nhập, Xuất, Tồn Kho
Hàng hóa :156****Tháng 12 năm 2010 Số dư ĐK : 4.648.954.590**

Stt	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 156 có TK 111,331					Ghi có TK 156 nợ TK 632,.....		
	Số	ngày		TK 331		TK111		Cộng nợ	TK 632		Cộng có
				SL	TT	SL	TT		SL	TT	
1	1	1/12	Mua Đạm TQ chưa TT	760.000	1.520.000.0000			1.520.000.0000			
2	18	15/12	Xuất bán Đạm TQ						100	220.000	220.000
3	20	16/12	Xuất bán Đạm TQ						50	110.000	110.000
4	26	21/12	Mua Đạm TQ chưa TT	500.000	1.125.000.000			1.125.000.000			
5	25	22/12	Xuất bán Đạm TQ						1000	2.200.000	2.200.000
6	28	22/12	Mua Đạm TQ TT bằng TM			1.000	2.500.000	2.500.000			
7
8			Cộng		20.965.000.000		50.000.000	45.250.000.000		35.650.700.000	35.650.700.000

Số dư cuối kỳ : **14.248.254.590**

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 Năm 2010

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

Biểu 2.20: Sổ cái tài khoản 156
CÔNG TY CP VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG HP
SỔ CÁI

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
 SH-156 TK: Hàng hóa

SỐ DƯ ĐẦU NĂM	
NỢ	Có
9.000.000.000	

Ghi có TK 156 đối ứng TK	THÁNG 1	THÁNG 2	THÁNG 3		THÁNG 11	THÁNG 12	CỘNG
Nhật ký chứng từ số 1 (TK111)						50.000.000	
.....
Cộng phát sinh nợ						45.250.000.000	45.250.000.000
Cộng phát sinh có						35.650.700.000	35.650.700.000
Số dư cuối tháng -Nợ					4.648.954.590	<u>14.248.254.590</u>	<u>18.599.300.000</u>
Số dư cuối tháng -Có							

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 Năm 2010

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

Biểu 2.21: Bảng kê, nhật ký theo dõi TK 156

BẢNG KÊ + NHẬT KÝ THEO DÕI TÀI KHOẢN 156
THÁNG 12 NĂM 2010

stt	Diễn giải	SDDK		Ghi nợ 156 cơ TK		331	Ghi có 156 nợ TK		SDCK	
		Nợ	Có	331	Cộng		632	Cộng	Nợ	Có
1	NPK 16.16.8	169.448.740		710.095.238	710.095.238		232.857.318	232.857.318	646.686.660	
2	Đạm TQ	4.648.954.590		45.250.000.000	45.250.000.000		35.650.700.000	35.650.700.000	14.248.254.590	
3	Đạm ure Hà Bắc	2.257.332.000		5.391.000.000	5.391.000.000		1.287.690.990	1.287.690.990	6.360.641.010	
4	NPK Lâm Thao 5.10.3	1.239.746.330		5.092.123.825	5.092.123.825		697.719.260	697.719.260	5.634.150.895	
5	Sufelaan Lâm Thao	629.796.298		7.707.170.934	7.707.170.934		4.664.206.175	4.664.206.175	3.672.761.057	
6	NPK Lâm Thao 12.5.10	194.178.620		1.180.285.739	1.180.285.739		60.121.502	60.121.502	1.314.342.857	
7	Ka li CIS	3.983.177.123		13.972.380.952	13.972.380.952		17.837.308.118	17.837.308.118	118.249.957	
8	NPK VN 16.10.6	258.323.640			0		1.260.826.80	1.260.826.80	132.240.960	
9	Đạm Liên Xô				0		0	0		
10	Đạm UAE	34.855.110			0		9.380.610	9.380.610	25.474.500	
11	Đạm Phú Mỹ	1.624.375			0				1.624.375	
12	Đạm SA	130.251.311			0		93.226.910	93.226.910	37.024.401	
13	NPK Ninh Bình	35.768.000			0		5.260.000	5.260.000	30.508.000	
14	Thuốc BVTV	37.830.000			0		37.830.000	37.830.000		
	Cộng	13.621.286.137	0	45.510.199.544	45.510.199.544		39.413.587.919	39.413.587.919	19.717.897.762	

Biểu 2.22: Báo cáo nhập xuất tồn hàng hóa

Công ty CP VTNN & XD-HP

Văn phòng công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

**BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN HÀNG HÓA
THÁNG 12 NĂM 2010**

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Tồn ĐK		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			Lượng	Thành tiền	Lượng	Thành tiền	Lượng	Thành tiền	Lượng	Thành tiền
	Tổng trị giá	đồng	7.381.273	24.019.880.103	4.286.400	23.457.398.754	9.917.340	39.683.600.195	1.639.933	10.376.438.128
I	Nhóm phân bón	Kg	7381273	24019880103	4286400	23457398754	9917340	39683600195	1639933	10.376.438.128
1	Lâm lâm thao	Kg	4.177.140	7.869.731.760	870.000	1.479.627.392	4.735.300	9.147.174.932	311.840	577.978.912
2	NPK 5.10.3	Kg	1.010.165	2.913.315.860			952.611	2.746.580.338	57.554	165.985.736
3	NPK 12.5.10	Kg	3975	19491810	170000	802200000	132850	680111844	41125	194.060.650
4	Đạm TQ	Kg	1.700.000	4.648.954.590	20.000.000	45.250.000.000	16.200.000	35.650.700.000	5.500.000	14.248.254.590
5	Đạm Hà Bắc	Kg	752050	4095155466	281500	17.562.714.284	3.164.900	20.298.473.426	402.150	2.517.711.148
6	Kali	Kg	102950	926985700			84.700	715.140.013	18.250	164.323.000
7	NPK VN 16.16.8	Kg	184450	1350118070			35.700	287.300.931	148.750	1.088.790.500
8	NPK VN 16.10.6	Kg	148350	961672770			34.900	243.497.134	113.450	735.428.280
9	Đạm liên xô	Kg	350	1841000					350	1.841.000
10	Đạm UAE	Kg	800000	4795238096			456951	3041388279	343049	2056235706
11	Đạm phú mỹ	Kg	50	283333	251000	1572857142	117865	756669495	133185	832845760
12	Đạm con nhạn	Kg	1563	8658301			1563	9814184	0	
13	Đạm SA	Kg			70000	200000010			700	200000010
14	Thuốc BVTV	Kg			110400	1839999926			110400	1839999926
IV	Kinh Doanh TH	đồng	0	0	0	0	0	586021619	0	0
1	Tiền thuê kho,nhà	Kg					0	378069671		
2	Phí gửi kho	Kg						207951948		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Lập Biểu

CHƯƠNG III:**BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ VIỆC HOÀN THIỆN CÔNG TÁC
KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ
NÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG HP****3.1)Đánh giá chung về công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty cổ phần vật tư nông nghiệp và xây dựng Hải Phòng :**

Đặc điểm của doanh nghiệp là hàng hóa đa dạng, phong phú cả về mặt số lượng, chất lượng và chủng loại. Vì vậy việc quản lý tốt hàng hóa là một việc làm rất cần thiết và quan trọng để hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng lợi nhuận cho công ty quản lý vốn, quản lý vật tư luôn được công ty quan tâm, chú ý.

Trong thời gian thực tập tại công ty em đã nắm bắt được nhiều kiến thức thực tế củng cố kiến thức đã học. Khi tìm hiểu và nghiên cứu em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán hàng tồn kho nói riêng tại công ty có những ưu điểm và tồn tại như sau :

3.1.1)Ưu điểm :**• Về bộ máy kế toán nói chung :**

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, gọn nhẹ nhưng vẫn hoạt động hiệu quả, đáp ứng được khối lượng công việc tương đối nhiều. Mỗi kế toán viên chịu trách nhiệm về một phần hành cụ thể sau đó số liệu sổ sách được tổng hợp, kiểm tra bởi kế toán trưởng. tất cả các công việc được tập trung tại phòng kế toán. Với mô hình này công việc kế toán tại công ty được tổ chức có kế hoạch, sắp xếp và phân công trách nhiệm cho từng cán bộ kế toán phù hợp với năng lực trình độ của từng người nên chất lượng công tác kế toán cao và luôn đảm bảo thông tin chính xác, nhanh chóng, kịp thời.

-Bộ máy kế toán được tổ chức thực hiện theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Đội ngũ kế toán đều là những người có trình độ, có cả người trẻ tuổi và người đã làm việc có kinh nghiệm lâu năm, nhiệt tình, nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Với tiêu chí

đổi mới sáng tạo không ngừng nhằm đem lại hiệu quả cao trong công việc, cán bộ kế toán không ngừng trau dồi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mình để tiếp thu cơ chế quản lý đổi mới của bộ tài chính. Bên cạnh đó phòng kế toán luôn có mối quan hệ mật thiết với các phòng ban trong công ty cũng như các đối tác như ngân hàng, nhà cung cấp, khách hàng giúp cho công tác kế toán nhanh chóng, chính xác hơn.

- Về tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán :
 - Hiện nay hệ thống chứng từ, tài khoản mà công ty sử dụng đều tuân theo đúng những quy định mà bộ tài chính đã ban hành, đó là quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng bộ tài chính. hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với nghiệp vụ kinh tế phát sinh đồng thời phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác, bảo đảm thông tin nhanh nhạy, hiệu quả.
- Về sổ sách kế toán :
 - Hệ thống sổ sách kế toán nhiều, đa dạng, phản ánh một cách đầy đủ, chi tiết các nghiệp vụ phát sinh.
- Về tổ chức quản lý, nhập xuất hàng hóa:
 - Cùng với sự phát triển của công ty, sự lớn mạnh không những thể hiện qua cơ sở vật chất kỹ thuật mà còn thể hiện ở trình độ quản lý kinh tế đó là công tác kế toán nói chung và công tác kế toán hàng tồn kho nói riêng không ngừng được hoàn thiện và nâng cao. Kế toán hàng tồn kho tại công ty được quản lý chặt chẽ từ khâu lập kế hoạch thu mua tới khâu xuất bán hàng hóa. Công tác thu mua, nhập hàng hóa luôn đảm bảo về chất lượng và số lượng đáp ứng đầy đủ cho quá trình xuất, bán.
- Về tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho :
 - Công ty áp dụng phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết hàng tồn kho. Đây là phương pháp đơn giản nhất, dễ làm, dễ kiểm tra, dễ đối chiếu, tính toán đơn giản, phù hợp với đặc điểm hàng tồn kho tại công ty
 - Công ty hạch toán tổng hợp hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường

xuyên. Phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho của công ty luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời phù hợp với lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty.

- Công ty dùng giá thực tế cho hàng hóa tồn kho và đơn giá bình quân gia quyền cho hàng hóa xuất kho. Việc đánh giá hàng hóa như vậy là hợp lý, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam. Thông qua đó cũng đánh giá được chi phí thực tế bỏ ra của từng loại hàng hóa trong từng phân xưởng.

3.1.2) Tồn tại .

Bên cạnh những ưu điểm đã đề cập ở trên thì công tác kế toán nói chung và kế toán hàng tồn kho nói riêng cũng có những mặt hạn chế cần khắc phục để đi đến hoàn thiện đó là :

➤ Việc luân chuyển chứng từ :

- Việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra không thường xuyên, đôi khi các chứng từ không được chuyển đến phòng kế toán thậm chí có kho bị bỏ sót làm cho kế toán kho khấn trong việc theo dõi kiểm tra. Mặt khác việc luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận, phòng ban này đều không có biên bản giao nhận, rất dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi xảy ra mất mát chứng từ lại không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý, làm cho cán bộ công nhân viên thiếu trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ.

- Số lượng sổ sách lớn và phức tạp, kết cấu đa dạng giữa các đối tượng nên khó vận dụng máy vi tính để xử lý số liệu

- Quy mô của doanh nghiệp vẫn chưa lớn, đội ngũ cán bộ nhân viên vẫn còn hạn chế .

➤ Với phân xưởng lưu trữ:

Do cơ sở vật chất còn nhiều hạn chế nên việc bảo quản và lưu trữ hàng tồn kho còn gặp nhiều khó khăn. Điều đó làm phát sinh thêm chi phí tồn trữ. Vẫn còn hiện tượng không tuân thủ quy định về hàng tồn kho trong việc nhập, xuất, tồn hàng tồn kho. Sử dụng bao bì không tuân theo các quy định của kho, chưa có ý thức trong việc bảo quản hàng hóa.

➤ Với phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ để tính giá hàng tồn kho số

sách kế toán không phản ánh kịp thời những biến động giá cả các yếu tố đầu vào để giúp ban quản lý có chỉ đạo kịp thời trong việc dự trữ, tiêu thụ hàng tồn kho và tính giá sản phẩm.

3.1.3) Nguyên nhân :

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những tồn tại trên trong doanh nghiệp.

- Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp và xây dựng Hải Phòng chưa có quy định rõ ràng về thời gian giao nhận chứng từ của các phòng ban, bộ phận cho phòng kế toán. Điều này gây cản trở lớn đến sự luân chuyển chứng từ do tư tưởng ỷ lại không chịu trách nhiệm.

- Công ty áp dụng hình thức Nhật ký-Chứng từ nên sổ sách là đa dạng và phức tạp. Hình thức này khó áp dụng trên máy vi tính nên công ty chủ yếu phải thực hiện kế toán bằng lao động thủ công. Phải tốn nhiều sức của nhân viên.

- Ý thức của người lao động cũng không tốt. Đó là chưa được hướng dẫn kỹ lưỡng, bài bản. Người lao động không có trách nhiệm trong việc bảo quản, sử dụng vật tư gây lãng phí trong sản xuất. Công ty chưa có chế độ thưởng phạt rõ ràng cho người lao động làm việc nghiêm túc. Trong thời gian tới công ty cần đẩy mạnh quan tâm hơn đến đời sống người lao động.

3.2) Nguyên tắc hoàn thiện kế toán hàng tồn kho tại công ty cổ phần vật tư nông nghiệp và xây dựng Hải Phòng.

3.2.1) Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán hàng tồn kho tại công ty CP vật tư NN và xây dựng HP

Nền kinh tế thị trường với những đổi mới thực sự trong cơ chế quản lý tài chính đã khẳng định vai trò, vị trí của những thông tin kế toán trong doanh nghiệp. Kế toán là một công cụ hữu hiệu nhất để điều hành, quản lý, kiểm tra, tính toán hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong doanh nghiệp.

Khi xu thế cạnh tranh ngày càng mạnh giữa các doanh nghiệp, giá cả là yếu tố cốt yếu quyết định số phận, sản phẩm của công ty. Như chúng ta đã biết, hàng hóa thường chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất. Hạch toán kế toán hàng tồn kho đầy đủ, chính xác là một trong những yếu tố đảm bảo cho giá thành được phản ánh chân thực. Trên cơ sở đó các nhà quản lý phân tích và tìm hiểu cách nhập, xuất hàng

hóa để tăng năng lực cạnh tranh, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, công tác hạch toán kế toán hàng tồn kho là một phần hành không thể thiếu trong các doanh nghiệp sản xuất.

Công ty CP vật tư NN và XD HP mặc dù đã có rất nhiều cố gắng trong công tác tổ chức quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán hàng tồn kho, song vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục để đáp ứng hơn nữa yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời và đồng bộ hàng hóa, dự trữ và sử dụng tiết kiệm, ngăn ngừa các hiện tượng hư hao, mất mát, lãng phí hàng hóa trong quá trình kinh doanh. Từ đó làm cho các hàng hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường, tăng lợi nhuận cho công ty. Do đó việc nghiên cứu các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý, sử dụng và hạch toán hàng tồn kho tại công ty là vô cùng cần thiết.

3.2.2) Các giải pháp để khắc phục một số tồn tại của công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty cổ phần vật tư nông nghiệp và xây dựng Hải Phòng.

Một doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển cần phải biết cách quản lý tốt những nguồn lực của mình. Do đó để tăng thêm sức cạnh tranh doanh nghiệp cần phải biết nâng cao chất lượng quản lý. Hạch toán kế toán là một bộ phận cấu thành của công cụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đồng thời cũng là công cụ đắc lực phục vụ cho Nhà nước quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo kinh doanh. Để thực hiện đầy đủ các chức năng phản ánh và giám sát mọi hoạt động kinh tế, kế toán phải thực hiện những quy định cụ thể, thống nhất phù hợp với tính khách quan và nội dung yêu cầu của một cơ chế quản lý nhất định.

Chỉ dựa trên những thông tin trung thực chính xác của kế toán mới giúp cho nhà quản trị đưa ra được những quyết định kinh doanh hữu hiệu nhất. Vì vậy, việc nghiên cứu cải tiến và hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán hàng tồn kho nói riêng ở các doanh nghiệp cần phải tuân theo những nguyên tắc cụ thể như sau :

- Nguyên tắc nhất quán : Nguyên tắc này yêu cầu kế toán đã chọn phương pháp nào để hạch toán hàng tồn kho thì phải áp dụng phương pháp đó trong cả niên độ kế toán.
- Nguyên tắc giá gốc : Quy định hàng tồn kho phải được tính theo giá gốc.

-Nguyên tắc thận trọng : Nguyên tắc này đòi hỏi muốn hoàn thiện kế toán hàng tồn kho cần cẩn trọng trong từng bước.

Hoàn thiện kế toán trong công ty là một việc hết sức quan trọng và cần thiết. Để đảm bảo cho việc hoàn thiện mang tính khả thi, đáp ứng được các yêu cầu quản lý của công ty phải thực hiện được các yêu cầu sau :

- Thứ nhất : Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho trước hết phải đảm bảo nguyên tắc cơ bản của công tác tổ chức kế toán :

+ Đảm bảo tính thống nhất giữa đơn vị hạch toán cơ sở với đơn vị quản lý.

+ Đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống kế toán trong từng đơn vị kế toán.

+Đảm bảo tính quốc tế của công tác kế toán.các văn bản pháp lý tác nghiệp kế toán, trang thiết bị kỹ thuật tính toán phải hướng tới trình độ chuẩn mực quốc tế của kế toán

- Thứ hai : Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt nam, các quy định ban hành của Bộ Tài chính về hệ thống các phương pháp thực hiện hạch toán kế toán, hệ thống tài khoản, chứng từ, sổ sách kế toán. Tuy nhiên, tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý tại đơn vị mình không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ, nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng chế độ mới về quản lý tài chính.

- Thứ ba : Hoàn thiện công tác kế toán hướng tới việc thực hiện tốt các yêu cầu quản lý hàng tồn kho. Dự trữ một lượng hàng hóa hợp lý để đảm bảo cho quá trình sản xuất liên tục, tránh việc dự trữ quá nhiều hoặc quá ít. Hệ thống kho tàng, bến bãi đủ tiêu chuẩn kỹ thuật để tránh việc làm giảm chất lượng hàng hóa trong quá trình bảo quản, bảo đảm tính độc lập trong việc bố trí công việc tránh hư hỏng, mất mát hàng hóa.

- Thứ tư : Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho hướng đến mục tiêu thực hiện tốt hơn nhiệm vụ kế toán hàng tồn kho. Tính đầy đủ, trung thực, chính xác, kịp thời trong việc ghi chép, tính toán, kiểm tra.

- Thứ năm : Hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho hướng đến phục vụ việc ra quyết định của các nhà quản lý lập kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn, dài hạn đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp.

- Thứ sáu : Hoàn thiện nhưng phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích hoạt động của các doanh nghiệp là tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt mục đích này, cùng với việc không ngừng tăng doanh thu, doanh nghiệp cần phải có các biện pháp hữu hiệu hạ thấp chi phí có thể có được. Đây là một yêu cầu tất yếu đặt ra với các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

3.2.2.1) Hoàn thiện về việc luân chuyển chứng từ.

Để việc luân chuyển chứng từ được diễn ra thường xuyên, liên tục đảm bảo việc cập nhật thông tin của kế toán, công ty Cổ phần vật tư NN và XD HP cần tiến hành tổ chức lại khâu luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận trong đơn vị. Cụ thể : công ty nên đề ra quy định về thời gian cho việc giao nhận chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho vào một ngày nào đó trong tuần. Đây là thời điểm thích hợp để các bộ phận có thể tập hợp các chứng từ phát sinh trong tuần để chuyển lên phòng kế toán. Việc giao nhận chứng từ diễn ra hàng tuần đều đặn cũng giúp cho các thông tin mà kế toán thu thập được thường xuyên, liên tục, không bị ứ đọng. Nếu xảy ra trường hợp chứng từ về muộn ảnh hưởng đến việc lập báo cáo kế toán sẽ bị xử lý theo đúng quy định của công ty.

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ thì dễ dàng hơn cho việc quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý, việc làm này nhằm giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc của công ty nói chung. Phiếu giao nhận chứng từ có mẫu như biểu

Biểu 3.1**PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ**

Từ ngày...đến ngày....

Nhóm vật liệu	Số lượng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)

Ngày...tháng....năm....

Người nhận

(ký,họ tên)

Người giao

(ký,họ tên)

3.2.2.2) Hoàn thiện về tính giá hàng hóa xuất kho.

Công ty đang áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ để tính hàng hóa xuất kho. Đây là một phương pháp dễ làm, đơn giản nhưng việc tính giá thực tế của hàng hóa xuất kho chỉ có thể được tiến hành vào cuối tháng nên không thể phản ánh kịp thời tình hình biến động của giá cả hàng hóa. Trong bối cảnh nền kinh tế toàn thế giới đang lâm vào khủng hoảng, sự biến động giá cả của hàng hóa trên thị trường không ổn định, có thể tăng lên cao ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Đây chính là một khó khăn của công ty hiện nay. Mặt khác, công ty phải nhập khẩu nhiều chủng loại hàng hóa, kéo theo giá nhập khẩu cao. Vì vậy việc áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ để tính giá thực tế của hàng hóa xuất kho có thể ảnh hưởng đến tiến độ của các khâu kế toán khác

Theo em công ty nên chuyển sang phương pháp tính giá bình quân liên hoàn. Đối với phương pháp này, tuy công việc tính toán nhiều, phức tạp nhưng cho giá xuất kho của hàng hóa chính xác nhất, phản ánh kịp thời sự biến động của giá cả, công việc tính giá được diễn ra thường xuyên, liên tục.

Công thức tính như sau :

Giá đơn vị BQGQ sau lần nhập $i = \text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập } i / \text{Lượng hàng tồn kho sau lần nhập } i$

Ví dụ : Số hàng hóa trong tháng 12 năm 2010 .

Hàng hóa : Đạm Trung Quốc

Tồn đầu kỳ : Số lượng : 1.700.000 kg

Trị giá : 4.648.954.590 đồng

Ngày 1/12 công ty nhập kho Đạm Trung Quốc của công ty Thiệu Yên :

Số lượng : 760.000 kg

Trị giá : 1.520.000.000 đồng

Ngày 21/12 công ty nhập kho Đạm Trung Quốc của công ty Hà Anh :

Số lượng : 500.000 kg

Trị giá : 1.125.000.000 đồng

Giá đơn vị BQGQ sau ngày 21/12 = $(4.648.954.590 + 1.520.000.000 + 1.125.000.000) / (1.700.000 + 760.000 + 500.000) = 2.464$ (đồng /kg)

Ngày 22/12 xuất kho Đạm Trung Quốc bán : Số lượng : 1.000 kg

Trị giá hàng xuất kho = $1.000 \times 2.464 = 2.464.000$ đồng

3.2.2.3) Hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty cổ phần vật tư NN và XD HP

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại công ty, em nhận thấy trong kỳ số lượng hàng hóa phục vụ cho quá trình bán hàng vẫn còn tình trạng tồn kho với số lượng lớn. Điều đó sẽ ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa và tăng thêm chi phí tồn trữ. Chính vì vậy mà ban quản lý công ty cần có những biện pháp thích hợp. Nếu số lượng còn lại vẫn còn tiếp tục sử dụng ở kỳ tiếp theo thì các đơn vị nên lập phiếu báo vật tư tồn cuối kỳ và làm thành 2 liên :

+ 01 liên giao cho phòng kế toán.

+ 01 liên giao cho phòng kế hoạch, vật tư

Hàng hóa, vật tư là một yếu tố quan trọng quyết định đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy việc sử dụng hợp lý hàng hóa có ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành

và lợi nhuận của doanh nghiệp

Biểu 3.2:

Phiếu báo vật tư còn lại có mẫu như sau :

CÔNG TY CP VẬT TƯ NN VÀ XD HP

số 125 Trần Thành Ngọ –Kiến An- Hải Phòng

PHIẾU BÁO VẬT TƯ CÒN LẠI CUỐI KỲ

Ngày...tháng...năm...

Số

Bộ phận sử dụng.....

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Lý do : còn sử dụng hay trả lại
A	B	C	D	I	E

➤ ***Một số biện pháp để thực hiện tốt việc sử dụng hàng hóa :***

-Do đặc điểm của công ty là cung cấp hàng hóa phục vụ cho nông nghiệp. Vì vậy mà cần dựa vào từng thời vụ thích hợp để nhập và xuất hàng hóa, vật tư để phục vụ hợp lý cho các sản phẩm của nông nghiệp.

-Nếu hàng hóa, vật tư còn lại nhiều thì công ty phải có điều kiện bảo đảm và lưu trữ cẩn thận, hợp lý. Bảo đảm chất lượng cho hàng hóa và tránh gây những tổn thất lớn cho công ty.

- Giảm bớt mức hao phí thấp nhất trong công tác thu mua, vận chuyển, bảo quản và xuất vật tư. Không để cho hàng hóa, vật tư hao hụt, mất mát hoặc kém chất lượng.

- Công ty cần phải mở rộng hơn nữa những mối quan hệ của ban hàng nhất là những bạn hàng lâu năm để khi cần là có thể mau hàng hóa, vật tư. Do đó tránh được việc phải tồn kho quá nhiều gây ứ đọng vốn sản xuất.

KẾT LUẬN

Trên đây, em đã trình bày một số vấn đề nghiên cứu về phương pháp kế toán hàng tổng hợp tồn kho. Hoàn thiện hạch toán kế toán nói chung và hoàn thiện phương pháp kế toán hàng tồn kho nói riêng là một trong những nội dung quan trọng và cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả quản lý của doanh nghiệp.

Hoàn thiện phương pháp kế toán hàng tồn kho không chỉ góp phần đảm bảo thông tin nhanh nhạy, kịp thời, đảm bảo độ tin cậy về hàng tồn kho mà còn góp phần tiết kiệm chi phí hạch toán. Mặt khác, việc hoàn thiện phương pháp kế toán hàng tồn kho cũng góp phần thúc đẩy quá trình hoàn thiện hệ thống kế toán doanh nghiệp.

Về phía nhà nước cần nghiên cứu hoàn thiện phương pháp kế toán hàng tồn kho cũng như hoàn thiện hạch toán kế toán nói chung. Về phía doanh nghiệp, cần tăng cường hiệu quả công tác giám sát, quản lý hàng tồn kho cùng với các giải pháp đồng bộ khác nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Có như vậy chúng ta mới theo kịp xu thế hội nhập và phát triển của nền kinh tế hiện nay.

Một lần nữa, em xin cảm ơn thầy giáo hướng dẫn đã giúp em hoàn thành bài viết này.